

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
LỜI MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGÔ QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN HẢI PHÒNG	5
1. Khái quát chung về di tích và tín ngưỡng thờ danh nhân và các anh hùng dân tộc của người Việt Nam	5
2. Ngô Quyền – Người anh hùng dân tộc, vị tổ trùng hưng	10
3. Các di tích thờ Ngô Quyền tiêu biểu của thành phố Hải Phòng	15
CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG VÀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGÔ QUYỀN PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	17
1. Đánh giá chung về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng	17
2. Thực trạng hoạt động du lịch của thành phố.....	20
3. Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa của một số di tích thờ Ngô Quyền tại Hải Phòng.....	25
4. Đánh giá chung về thực trạng du lịch tại các di tích thờ Ngô Quyền.....	46
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGÔ QUYỀN Ở HẢI PHÒNG	50
1. Giải pháp chung cho sự phát triển du lịch tại các di tích lịch sử của thành phố. 50	
2. Giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch tại các di tích thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng.....	52
3. Một số kiến nghị.....	58
KẾT LUẬN	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO	61
PHỤ LỤC	

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian làm khóa luận tốt nghiệp em đã nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ phía gia đình, thầy cô để bài khóa luận được hoàn thành tốt, đúng thời hạn. Đạt được những kết quả trên em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa Văn hóa du lịch trường đại học dân lập Hải Phòng, Sở văn hóa thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng, ban quản lý các di tích thờ Ngô Quyền trên địa bàn Hải Phòng, các cán bộ thư viện KHTN thành phố.

Em xin gửi lời cảm ơn đến:

- TS. Lê Thanh Tùng giảng viên khoa văn hóa du lịch đã tận tình hướng dẫn và chỉ bảo em trong suốt thời gian làm khóa luận.
- Ban quản lý di tích Từ Lương Xâm, đình Hàng Khê, đình Đông Khê đã tạo điều kiện cho em trực tiếp tìm hiểu về di tích và cung cấp một số thông tin có liên quan giúp bài khóa luận hoàn thành tốt hơn. Do những hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự nhận xét góp ý quý báu của các thầy cô giáo và các bạn.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Lê Thị Châm

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế rất quan trọng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Rất nhiều nước trên thế giới đã phấn đấu và xem Du Lịch như là một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Trong điều kiện đất nước ta hiện nay và với tiềm năng có thể nói rằng tài nguyên nhân văn của Việt Nam là vô cùng to lớn và phong phú có tính lịch sử truyền thống đặc biệt. Do đó xu hướng phát triển du lịch văn hóa là một xu hướng chính của Du Lịch Việt Nam.

Du Lịch văn hóa được dự báo như là một ngành sẽ thu hút khách du lịch quốc tế đông nhất tới Việt Nam cả nội địa bởi tính tiềm năng của tài nguyên nhân văn Việt Nam là rất lớn đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch. Trên địa bàn thành phố Hải Phòng có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia và thành phố, đặc biệt là di tích thờ anh hùng dân tộc Ngô Quyền là những điểm có thể phát huy được tiềm năng du lịch kết hợp tín ngưỡng. Tuy nhiên sự phát triển du lịch ở đó chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Điều này đã khiến những nhà quản lý kinh tế những người làm công tác trong ngành du lịch Việt Nam nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng băn khoăn trăn trở để làm thế nào thực sự phát triển du lịch văn hóa nơi đây thay vì chỉ mãi là tiềm năng phát triển.

Vì những lý do trên đây, em chọn đề tài: *“Di tích thờ anh hùng dân tộc Ngô Vương Quyền trên địa bàn Hải Phòng. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch”* để làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu của đề tài

Đưa ra một số giải pháp khai thác có hiệu quả các di tích thờ anh hùng dân tộc Ngô Quyền ở Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch. Qua đó đặt ra các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trong kho tàng văn hóa Việt về tín ngưỡng thờ Ngô Quyền và các di tích thờ tự.

3. Tính mới, tính độc đáo và tính sáng tạo của đề tài

Trên cơ sở những vấn đề lý luận chung và thực tế của các di tích thờ Ngô Quyền trên địa bàn Hải Phòng em sẽ đưa ra một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích nhằm khai thác hiệu quả trong hoạt động du lịch địa phương.

4. Lịch sử nghiên cứu đề tài

Ngô Quyền là một trong những anh hùng dân tộc tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam, đã có rất nhiều những công trình nghiên cứu về ông và những di tích thờ Ngô Quyền ở các địa phương khác nhau, nhưng đây là đề tài nghiên cứu di tích thờ Ngô Quyền lần đầu tiên được thực hiện tại Hải Phòng nơi đã chứng kiến trận đánh lịch sử trên sông Bạch Đằng. Tuy nhiên cũng như hầu hết các điểm du lịch khác, nhiều tiềm năng của các di tích thờ Ngô Quyền chưa được khai thác hoặc khai thác chưa đúng mức, nhiều giá trị về tín ngưỡng, tâm linh, khảo cổ học, dân tộc học... còn chưa được biết đến. Trong khi đó, nhiều vấn đề đặt ra đã ở mức báo động. Vì vậy, đề tài “Di tích thờ anh hùng dân tộc Ngô Vương Quyền trên địa bàn Hải Phòng. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch” là một đề tài khá mới mẻ và có nhiều ý nghĩa thực tiễn.

5. Phương pháp và thiết bị nghiên cứu

Phương pháp thực địa.

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp.

Ngoài ra đề tài còn sử dụng các phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp xã hội học để thực hiện những cuộc điều tra xã hội học, có chiều sâu để có những thông tin cần thiết và chính xác, mang tính thực tiễn cao trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Một số thiết bị cần thiết cho việc nghiên cứu đề tài là máy ảnh, máy ghi âm.

6. Dự kiến những kết quả nghiên cứu của đề tài:

1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Là tài liệu nghiên cứu về di tích thờ Ngô Quyền, tài liệu giới thiệu và hướng dẫn du lịch

2. Những đóng góp liên quan đến DN:

- Định hướng khai thác nguồn tài nguyên nhân văn địa phương phục vụ du lịch
- Một số gợi ý trong cách quản lý và khai thác hợp lý di sản văn hóa vật thể

7. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

Chương 1: Cơ sở lý luận và giới thiệu chung một số di tích thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng.

Chương 2: Hiện trạng và tình hình khai thác các di tích thờ Ngô Quyền trên địa bàn Hải Phòng phục vụ hoạt động du lịch.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại các di tích thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGŨ QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN HẢI PHÒNG

1. Khái quát chung về di tích và tín ngưỡng thờ danh nhân và các anh hùng dân tộc của người Việt Nam

1.1. Cơ sở lý luận về di tích

1.1.1. Khái niệm về di tích

Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, ví dụ như những công trình kiến trúc hay cơ sở vật chất trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, liên quan quá trình phát triển văn hóa xã hội, do thế hệ trước sáng tạo ra trong lịch sử, còn truyền đến ngày nay, thế hệ hôm nay kế thừa và phát huy trong cuộc sống hiện tại, mang dấu ấn lịch sử và văn hóa.

Theo luật di sản văn hóa do Quốc hội ban hành số 28/2001/QH10 ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2011 quy định như sau:

Di tích lịch sử - văn hoá phải có một trong các tiêu chí sau đây:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước;
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước;
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến;
- Địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ;
- Quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

1.1.2. Phân loại di tích

Căn cứ vào giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh (gọi chung là di tích) được chia thành:

- Di tích cấp tỉnh là di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh.

- Di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia. Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Việt Nam) quyết định xếp hạng di tích quốc gia.

- Di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia. Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, quyết định việc đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc xem xét đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào Danh mục di sản thế giới.

Trong trường hợp di tích đã được xếp hạng mà sau đó có đủ căn cứ xác định là không đủ tiêu chuẩn hoặc bị huỷ hoại không có khả năng phục hồi thì người có thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích nào có quyền ra quyết định huỷ bỏ xếp hạng đối với di tích đó.

1.2. Tín ngưỡng thờ cúng danh nhân và các anh hùng dân tộc của người Việt Nam

Sự thờ cúng các danh nhân và anh hùng là một trong ba sự thờ cúng các nhân thần, vì thế sự thờ cúng này sẽ có chung nguyên do thứ nhất (tin vào linh hồn thuyết) với sự thờ cúng tổ tiên và sự thờ cúng các vong hồn, đồng thời có nguyên do thứ hai (nhớ công ơn của các vị) tương tự sự thờ cúng tổ tiên.

1.2.1. Người Việt Nam tin vào linh hồn thuyết

Theo thuyết này, người ta cho rằng ‘sự sống là hậu quả của một sự hợp nhất...của hồn và phách (vía), và cuộc sống sẽ kéo dài bao lâu hai nguyên lí này còn hợp nhất, sự phân li dẫn tới cái chết. Ngay lúc phân li, hồn cao hơn, hồn khí hay khí nóng, bay lên không gian và trở về trời, nơi từ đó nó đã đến. Do đó, sức nóng phát sinh sự sống rời bỏ các phần thân thể từ từ theo mức độ không cảm thấy được, đó chính là hồn bên trong, còn hình phách trở về với đất, nguồn gốc của nó. Trong mỗi cuộc lễ tôn kính những người đã chết hay các thần linh nói chung, chính y niệm về các hồn đã giải thích nghi thức đốt những que hương và đổ rượu xuống đất. Khói của hương bay lên tới các hồn trong không gian đã mời các hồn ngự xuống trên bàn thờ. Trái lại, đã chạm tới phách ở dưới đất, khi đọc xong lời nguyện, vị chủ lễ lại đổ một chút rượu xuống đất và chạm tới các phách... Từ điều nói trên, xem ra nơi những kẻ chết, các hồn và các phách hiện diện phân rẽ, các

hồn có đời sống trên không khí và các phách thì sống trong lòng đất. Người Việt Nam chẳng những tin linh hồn trường tồn, mà còn tin các linh hồn khi lìa xác vẫn còn tiếp tục lui tới với người sống và hòa mình vào tất cả các hoạt động để phụ giúp hay đối nghịch lại. Linh hồn kẻ chết vẫn còn tiếp tục chịu số phận y hệt khi còn sống, vẫn có điều kiện xã hội như thế, vẫn có những nhu cầu như thế. Nếu mộ phần của họ được tôn kính và được săn sóc cẩn thận, nếu họ được cúng kiến trong các kì lễ với những lễ vật như rượu, cơm, trái cây hoặc vật dụng tượng trưng bằng giấy như ngựa, xe, nhà, thuyền, y phục, người hầu, v.v., (những vật dụng này sẽ được gửi cho các hồn bằng cách hỏa thiêu sau khi cúng lễ) thì khi nhận được lễ vật, các hồn sẽ sung sướng, sẽ có thiện cảm với người dâng cúng và đáp lại lòng tôn kính ấy bằng cách ban những ân huệ.

Như thế, mối cảm thông giữa kẻ chết và người sống đã được thành lập thật sự. Song nếu kẻ chết không được chôn cất, không có mộ phần, dường như là bị bỏ rơi và khổ sở, họ sẽ trở nên đáng sợ. Họ là những cô hồn hoặc ma quỷ luôn luôn tìm cách làm khổ người ta. Vì vậy, do sự sợ hãi và do lòng thương xót mà người ta lập nên những bàn thờ thô sơ để thờ kính những linh hồn xấu số đó. Nơi một số gia đình, mỗi buổi sáng thức dậy, ra mở cửa, người ta tung ra trước nhà một nắm gạo, mong làm vui lòng các cô hồn. Chính niềm tin con người ta có linh hồn và linh hồn trường tồn sau khi chết, linh hồn vẫn phảng phất đâu đây, vẫn giao cảm cùng cõi nhân sinh, đã khiến cho người Việt Nam thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các danh nhân, anh hùng và thờ cúng các vong hồn.

1.2.2. Vì lòng nhớ ơn công lao hiển hách của các danh nhân, anh hùng

Trong phạm vi gia đình, người Việt Nam thường giữ đạo hiếu. Theo đạo hiếu, con cháu nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, ông bà, tổ tiên cho nên hết lòng phụng dưỡng khi các ngài còn sống, khi các ngài khuất núi, trong niềm tin hương hồn các ngài vẫn hiện diện gần gũi đâu đây trong cõi vô hình thì con cháu cúng giỗ để tưởng nhớ các ngài đồng thời dâng hiến những lễ vật để các ngài hưởng dùng. Cũng tương tự, trong phạm vi làng xã hay quốc gia, thường hay xuất hiện những danh nhân, anh hùng. Các ngài là những vĩ nhân, những công dân

kiệt xuất bởi công lao to lớn đối với làng xã, đối với đất nước. Do đó, khi chết đi, các ngài được dân chúng tin tưởng là đặc biệt anh linh và tôn lên làm thần. Trong số đó, có những vị được chính thức công nhận bởi các chức sắc của làng xã, có những vị được nhà vua ban sắc phong. Việc thờ cúng các danh nhân, anh hùng chẳng những do lòng biết ơn các ngài mà còn do thành tâm cầu xin các ngài phù giúp dân làng hoặc xin các ngài tiếp tục góp công bảo vệ đất nước.

1.2.3. Vì muốn noi gương các đức tính đặc biệt của các ngài

Lí do thứ ba khiến cho người Việt Nam thờ cúng các danh nhân, anh hùng chính là lòng cảm phục các đức tính đặc biệt của các ngài và mong muốn noi gương các ngài. Đó cũng là nhận định của giáo sư Lê Hữu Mục trong phần Dẫn nhập bản dịch cuốn Việt Định U Linh Tập của ông: Theo tác giả (tức Lí Tế Xuyên) thì thần thánh có ai là xa lạ đâu. Đó là những người trần mắt thịt như tất cả chúng ta, chỉ khác một điều là các người ấy đã sống một đời sống siêu phàm, trong sự cần lao cam khổ, trong sự phục vụ tích cực, trong nỗ lực chống lại sự quỵên rũ của vật chất; thần thánh là những người đã sống hết tất cả kích thước của người, tận cùng biên giới nhân loại. Đến trình độ ấy, giá trị của con người tự nhiên được gia tăng, con người có thể tham dự vào đời sống linh thiêng để tiếp tục quảng bố ơn cương thường như trước, đến giai đoạn này, các vị anh hùng xứng đáng được lòng ngưỡng mộ sùng kính của nhân dân. Việc có đền miếu phụng tự trở thành một điều kiện phải có. Ta không lạ gì khi thấy có nhiều vị thần hiển linh như muốn được hưởng tế tự lâu dài... Thần thánh là kiểu mẫu lí tưởng của nhân dân, họ cần được sự phù trợ của thần, nhưng hơn hết tất cả, họ mong muốn được nên giống như thần thánh, có can đảm chống lại dục vọng của họ để đi lên cao hơn. Với lí do thứ ba này, ta có thể nói sự thờ cúng các danh nhân, anh hùng còn mang tính giáo dục.

1.3. Vai trò của các Di tích lịch sử văn hóa (DTLSVH) và Lễ hội với hoạt động du lịch.

Các DTLSVH và lễ hội được hiểu như một giá trị nền tảng, một tài sản của quá khứ dành dụm cho hiện tại và tương lai. Bên cạnh các giá trị về mặt tín ngưỡng tâm linh đối với đời sống của cộng đồng, các DTLSVH, lễ hội còn có vai

trò to lớn với sự phát triển của hoạt động du lịch của một địa phương, một đất nước. Các DTLSVH là các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử văn hóa như: đình, chùa, nghề, miếu. Đó là những di sản văn hóa chứa đựng cả một thời kỳ lịch sử anh hùng của dân tộc, chứa đựng những giá trị tôn giáo, tâm linh của từng vùng miền, từng giai đoạn lịch sử, là nơi tưởng nhớ, tạ ơn các bậc Thần linh, các vị Thành Hoàng, các Anh hùng dân tộc. Các DTLSVH Nó chứa những nét đẹp văn hóa của con người đất Việt, trở thành không gian văn hóa cho nhân dân. Trong những ngày hội truyền thống, đó là nơi họ thể hiện những nghi thức bày tỏ lòng thành kính, tạ ơn của mình tới các bậc thần linh, cầu mong một một sống ấm no, hạnh phúc. Du khách khi đến với các DTLSVH là đến với quá khứ xa xưa, được tham quan di tích để rồi chiêm nghiệm, tìm hiểu và nghiên cứu. Sức hút của DTLSVH là vô tận, đòi hỏi sự say mê, tìm hiểu, khám phá của mỗi du khách. Có thể nói DTLSVH có vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa. Đến với mỗi DTLSVH là đến với một cộng đồng dân tộc với những nét văn hóa, bản sắc riêng, được hòa mình trong “Văn hóa bản địa”, được khám phá những “nét riêng”, độc đáo. Từ đó thêm yêu mến mảnh đất, con người cùng với các DTLSVH.

Lễ hội là một loại hình văn hóa, một tác phẩm văn hóa của con người đất Việt. Là nhu cầu không thể thiếu được trong tư duy, đời sống tinh thần của nhân dân. Chính vì vậy lễ hội từ góc độ xã hội học nói theo Emile Durkheim “Đã trở thành một hiện tượng xã hội” hay nói theo Macxayber là “Một hành động xã hội có ý nghĩa xã hội học cực kì lớn”. Lễ hội là một kho lịch sử khổng lồ, ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng, văn hóa, nghệ thuật, và các sự kiện xã hội, lịch sử quan trọng của dân tộc. Lễ hội là bảo tàng sống về các mặt sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Việt. Càng ngày người ta càng ý thức được rằng các DTLSVH và Lễ hội chính là “Gia tài to lớn” mà các thế hệ đi trước để lại cho chúng ta. Mọi quá khứ đều là nền tảng của tương lai. Vì vậy hôm nay chúng ta đang thừa hưởng và phát huy những di sản quý báu của cha ông, trong đó có những giá trị thẩm mỹ

và nhân văn của các DTLSVH và Lễ hội. Giữ gìn “ bản sắc dân tộc” để tạo nên những nét độc đáo riêng là công việc của mỗi người.

2. Ngô Quyền – Người anh hùng dân tộc, vị tổ trùng hưng

2.1. Đôi nét về tiểu sử Ngô Quyền

2.1.1. Thân thế

Cha Ngô Quyền là Ngô Mân, châu mục ở châu Đường Lâm, họ Ngô của ông là dòng họ hào trưởng có thế lực, đời đời là quý tộc. Mẹ của ông, sử sách không ghi chép. Ngô Quyền sinh vào năm Mậu Ngọ (898) niên hiệu Càn Ninh thứ năm hoặc Quang Hóa năm đầu đời Đường Chiêu Tông. Đường Lâm thường được biết đến như là quê hương của Ngô Quyền. Truyền thuyết kể rằng, khi mới sinh, Ngô Quyền có ba cái nốt ruồi ở lưng, có thầy tướng số trông thấy cho là lạ, đoán rằng về sau ông có thể làm chúa một phương, do đó mới đặt tên là Quyền. Ngô Quyền dáng người khôi ngô, "mắt sáng như chớp, đi thong thả như cọp" "sức có thể cầm vạc giờ lên". Thuở thiếu thời của Ngô Quyền cũng là thời kì bão táp của chế độ thống trị nhà Đường ở An Nam. Đô hộ phủ An Nam ngày càng tỏ ra bất lực trong việc khống chế các thế lực cát cứ địa phương cũng như các thế lực bên ngoài. Người Nam Chiếu đã tấn công dữ dội Giao Châu từ năm 858 đến năm 866. Sau loạn An Sử (755 - 763) và nhất là khởi nghĩa Hoàng Sào (874 - 884), nhà Đường phải đối phó với nạn thiên trấn cát cứ, sự kiểm soát của chính quyền trung ương đối với An Nam ngày càng yếu đi. Quyền lực của phủ Đô hộ bị phân tán xuống các vùng nhỏ, do đó xuất hiện các thế lực hào trưởng có vai trò ngày càng quan trọng trong bộ máy cai trị. Vì vậy, họ Khúc, hào trưởng Hồng châu, đã thiết lập chính quyền tự chủ ở An Nam một cách khá dễ dàng và ít xáo trộn vào năm 905. Thế lực họ Khúc yếu ớt, đối đầu và thất bại trước sự xâm lấn của nhà Nam Hán. Nhưng sự thống trị của nhà Nam Hán chẳng vững bền, năm 931, thế lực họ Dương ở Ái Châu đánh bại quan lại nhà Nam Hán là Lý Tiến, Trần Bảo ở dưới chân thành Đại La, Dương Đình Nghệ trở thành Tiết độ sứ của chính quyền người Việt tự chủ. Thế lực họ Dương nắm quyền ở Đại La hẳn phải được sự ủng hộ của nhiều thế lực địa phương khác, trong đó có họ Ngô của Ngô Quyền. Cuộc hôn phối giữa Ngô Quyền

và con gái Dương Đình Nghệ là Dương thị hãn nhiên mang ý nghĩa liên minh chính trị giữa hai dòng họ. Ngô Quyền trở thành nha tướng và cũng là con rể của Dương Đình Nghệ, được vị Tiết độ sứ tin tưởng, giao cho quyền cai quản Ái châu, đất căn bản của họ Dương, vào năm 932.

2.1.2. Sự nghiệp

Bằng chiến thắng vang dội trên sông Bạch Đằng, dân tộc ta không những chấm dứt ách đô hộ hơn nghìn năm của Phương Bắc, mà còn tạo điều kiện tiến lên xây dựng một quốc gia độc lập hoàn toàn. Mùa xuân năm Kỷ Hợi (939), Ngô Quyền quyết định bỏ chức Tiết độ sứ, tự xưng vương, thành lập một vương quốc độc lập đàng hoàng. Chọn kinh đô cũ của Âu Lạc là Cổ Loa làm kinh đô nước Việt, Ngô Vương Quyền tỏ ý nối tiếp truyền thống của các vua Hùng, vua Thục. Sử gia Lê Văn Hưu đời Trần nêu cao ý tưởng này của Ngô Vương Quyền khi viết với Ngô Vương "chính thống của nước Việt ta đã nối lại được". Tại kinh đô Cổ Loa, Ngô Vương bước đầu tổ chức một triều chính độc lập: "đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của đế vương". Bà vợ họ Dương, con gái Dương Đình Nghệ, được lập làm hoàng hậu. Triều đình của Ngô Vương tuy còn đơn sơ, nhưng được xây dựng theo thể chế của một vương triều hoàn toàn độc lập. Các tướng sĩ có công trong cuộc chiến tranh chống Nam Hán đều được phong tước, cấp thái ấp như Phạm Lệnh Công được phong đất ở miền Nam Sách Giang (Nam Sách, Hải Dương). Ngô Vương đóng đô ở Cổ Loa được 6 năm (939-944). Trong sáu năm ngắn ngủi đó chắc chắn triều Ngô vẫn chưa xây dựng được thêm gì nhiều ở Loa thành xưa. Khảo cổ học chỉ phát hiện được những đoạn thành sửa đắp vào thời Ngô Quyền trên nền tảng hoang phế thành cũ của Thục An Dương Vương. Truyền thuyết dân gian vùng đất Cổ Loa kể lại rằng, Ngô Vương Quyền khi đóng đô ở đây đã cho trồng cây đa ở trước am thờ My Châu và cho đào cái giếng nước ở trên cửa đền. Người dân vùng này còn truyền tụng những câu cửa miệng: "Cây đa nghìn tuổi", "giếng nước nhà Ngô". Với việc Ngô Vương đóng đô ở Cổ Loa, vùng đất Hà Nội lại khôi phục vị trí trung tâm chính trị của đất nước trong buổi đầu phục hưng độc lập sau hơn nghìn năm Bắc thuộc.

Ngô Quyền mất năm 944, thọ 47 tuổi. Tại quê hương xã Đường Lâm (thị xã Sơn Tây, Hà Tây) có đình thờ và lăng Ngô Quyền. Trong nhà truyền thống xã Đường Lâm còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như rìu đá, di chỉ đồ đá mới, cọc gỗ Bạch Đằng; gần đó có những rộc sâu, tương truyền xưa kia là hồ sen, nơi Ngô Quyền thường cùng bạn bè thuở nhỏ chơi trò thủy chiến. Tại thành phố Hải Phòng, bên cạnh dòng sông Bạch Đằng lịch sử, cũng có những ngôi đền và đình thờ Ngô Quyền. Ở đình Hàng Kênh - ngôi đình tráng lệ ở Hải Phòng xây dựng năm 1718 - có câu đối lớn với dòng chữ nho:

"Vương nghiệp khởi nghiệp Loa Thành, trường biên thanh sử.

Chiến công lưu Đằng thủy, cộng mộc hồng ân"

Nghĩa là: "Vương nghiệp bắt đầu từ Loa thành lưu mãi trong sử sách. Chiến công lưu lại trên sông Đằng, trong đó có ân phúc của loài cây.

2.2. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 và ý nghĩa lịch sử

2.2.1. Trận Bạch Đằng

Vào những ngày mùa đông năm Mậu Tuất (938), Ngô Quyền từ Ái châu đem quân ra hỏi tội Kiều Công Tiễn. Theo thần tích, truyền thuyết dân gian và gia đình họ Dương ở làng Ràng (xã Dương Xá, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa) thì dưới sự chỉ đạo của Ngô Quyền, Dương Tam Kha (con Dương Đình Nghệ) và Đỗ Cảnh Thạc đã cầm quân tiến công thành Đại La, giết Kiều Công Tiễn. Dẹp xong nội loạn, Ngô Quyền vào thành họp bàn với các tướng lĩnh về kế hoạch chống ngoại xâm. Thành Đại La trở thành trung tâm đầu não của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ hai. Hào kiệt bốn phương đem quân hội tụ về Đại La dưới cờ đại nghĩa của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền. Tại đây, một kế hoạch chiến đấu mưu trí và chắc thắng đã được Ngô Quyền và các tướng lĩnh bàn định và thông qua. Trong một cuộc họp bàn, với lòng tự tin và làm chủ tình thế, Ngô Quyền đề ra ý kiến như sau: "Hoàng Thao là một đứa trẻ, lại đem quân từ xa đến, quân lính mệt mỏi, lại nghe Kiều Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng đã mất vía trước rồi. Quân ta sức còn mạnh, địch với quân mỗi một tất phá được. Song giặc có lợi về thuyền chiến, nếu ta không phòng bị trước thì chuyện được thua chưa thể

biết được. Nhưng ta sẽ cho người đem theo cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vật đầu nhọn bịt sắt, thuyền của chúng nhân khi nước thủy triều lên tiến vào bên trong hàng cọc, bây giờ ta sẽ dễ bề chế ngự, không kể gì hay hơn kế ấy cả". Kế hoạch và việc lựa chọn chiến trường cho trận "quyết chiến chiến lược" đã được quyết định. Tướng sĩ ai cũng vui mừng, tin rằng chắc thắng. Sau đó, Ngô Quyền và bộ chỉ huy tạm rời thành Đại La, kéo quân về vùng biển đông bắc chuẩn bị chiến trường đón đánh thủy quân Nam Hán. Theo thần tích và truyền thuyết dân gian các làng và hơn 30 đền thờ Ngô Quyền và các tướng có công phá giặc Nam Hán đã được phát hiện, thì vùng đóng quân của Ngô Quyền lúc bấy giờ được trải dài từ các làng Bình Kiều, Hạ Đoan tới Lương Khê, còn đại bản doanh thì đặt tại các thôn Lương Sâm, Gia Viên (đều thuộc quận An Hải, Hải Phòng).

Trước đây, đại bộ phận quân đội của Ngô Quyền là người Ái châu, nơi ông trấn trị. Trước nạn Nam Hán xâm lược, đạo quân này được bổ sung tăng cường và nhanh chóng. Nhân dân khắp nơi nô nức mang vũ khí, thuyền chiến tham gia và ủng hộ quân đội. Chỉ riêng một thôn Gia Viên nơi Ngô Quyền đặt đại bản doanh cũng đã có hàng mấy chục trai tráng dưới quyền chỉ huy của Đào Nhuận và Nguyễn Tất Tố tình nguyện nhập ngũ. Vùng cửa sông và hạ lưu sông Bạch Đằng được Ngô Quyền chọn làm điểm quyết chiến. Sông Bạch Đằng là cửa ngõ phía đông bắc và là giao thông quan trọng từ biển Đông vào đất Việt. Theo cửa Nam Triệu vào Bạch Đằng, địch có thể ngược lên và tiến đến thành Cổ Loa hoặc thành Đại La hoàn toàn bằng đường sông. Sông Bạch Đằng chảy qua một vùng núi non hiểm trở, có nhiều nhánh sông phụ đổ vào. Hạ lưu sông thấp, chịu ảnh hưởng của nước triều khá mạnh. Triều lên từ nửa đêm về sáng, cửa biển rộng mênh mông, nước trải rộng ra hai bên bờ đến hơn 2km. Đến gần trưa thì triều rút mạnh, chảy rất nhanh. Bấy giờ vào cuối năm 938. Trời rét, gió đông bắc tràn về, mưa dầm lê thê kéo dài hàng nửa tháng. Chính trong những ngày ấy, theo kế hoạch của Ngô Quyền, quân và dân ta lặn lội mưa rét, ngày đêm vận chuyển gỗ, dựng cọc. Hàng nghìn cây gỗ lim, sến, đầu được vật nhọn và bịt sắt được đem về đây cắm xuống hai bên bờ sông (quãng cửa Nam Triệu hiện nay) thành những hàng dài chắc chắn,

đầu cọc hướng chéo về phía nguồn. Khi triều rút các hàng cọc mới phơi ra, còn lúc sáng sớm nước mênh mông thì thuyền lớn qua lại hai bên bờ vẫn dễ dàng. Trận địa cọc được tiến hành rất gấp rút và chỉ trong khoảng thời gian hơn một tháng là mọi việc đã hoàn thành. Theo dự kiến của Ngô Quyền, trận đánh sẽ diễn ra ở phía trong bãi cọc, tướng Dương Tam Kha (con của Dương Đình Nghệ) chỉ huy đội quân bên tả ngạn, Ngô Xương Ngập (con trai cả của Ngô Quyền) và Đỗ Cảnh Thạc chỉ huy đội quân bộ bên hữu ngạn, mai phục sẵn, phối hợp với thủy quân đánh tạt sườn đội hình quân địch và sẵn sàng diệt sổ quân địch chạy lên bờ. Từ cửa biên ngược lên phía trên không xa là một đạo thủy quân mạnh phục sẵn do chính Ngô Quyền chỉ huy chặn ngay đường tiến lên của địch, chờ khi nước xuống sẽ xuôi dòng đánh lại đội binh thuyền địch. Trận địa bố trí vừa xong thì binh thuyền Nam Hán từ Quảng Đông kéo sang. Cuộc chiến đấu đã diễn ra như sự trù liệu và dự tính của Ngô Quyền đã vạch ra. Cả đoàn binh thuyền lớn của Hoằng Thao vừa vượt biển vào cửa sông Bạch Đằng đã bị dòn dất vào thế trận bố trí sẵn của ta, và bị tiêu diệt trong thời gian ngắn. Toàn bộ chiến thuyền của địch bị nhấn chìm xuống biển, hầu hết quân địch bị tiêu diệt, chủ soái Lưu Hoằng Thao bị giết tại trận.

Chiến thắng Bạch Đằng diễn ra nhanh chóng khiến vua Nam Hán là Lưu Cung đang đóng quân ở sát biên giới mà không kịp tiếp ứng cho con. Sử chép: "Vua Hán thương khóc, thu nhặt quân còn sót mà rút lui" Ca ngợi người anh hùng dân tộc Ngô Quyền, sử gia Lê Văn Hưu viết: "Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới hợp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Thao, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói một cơn giận mà yên dân được, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy".

2.2.2. Ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng đối với lịch sử Việt Nam

Chiến thắng đánh tan quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền đã ghi những trang sử vàng chói lọi, hào hùng về ý chí tự lực, tự cường, lòng yêu nước, thương dân, là chiến công hiển hách vĩ đại của dân tộc ta, đã làm chấm dứt vĩnh viễn nền thống trị hơn một nghìn năm đêm trường Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập thực sự lâu dài của dân tộc ta và mở đầu cho truyền

thống anh dũng, đoàn kết trên dưới một lòng chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta; cảnh báo quân xâm lược đến bất cứ nơi đâu hãy nhớ lại bài học lịch sử Bạch Đằng dậy sóng cuốn trôi quân thù từ mùa xuân lịch sử này.

- Chiến thắng Bạch Đằng thời Ngô Quyền là một bước phát triển rực rỡ của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- Trong điều kiện lực lượng ta địch chênh lệch không nhiều, Ngô Quyền đã lợi dụng được cả thời tiết, địa hình có lợi cho ta, tạo lên thế mạnh giáng cho quân xâm lược vừa mới thò mặt tới một đò trôi giáng, giành thắng lợi quyết định bằng một trận mai phục thủy chiến trên sông.

- Ca ngợi người anh hùng dân tộc Ngô Quyền, sử gia Lê Văn Hưu viết: "Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới hợp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Thao, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói một con giặc mà yên dân được, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy".

- Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là trận trung kết toàn thắng của dân tộc ta trên con đường đấu tranh Bắc thuộc, giành lại độc lập hoàn toàn.

- Chiến công hiển hách đó đập tan mưu đồ xâm lược của Nam Hán, tạo cơ sở để Ngô Quyền phát triển chính quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương thành chính quyền độc lập, chấm dứt hoàn toàn thời Bắc thuộc kéo dài trên nghìn năm.

3. Các di tích thờ Ngô Quyền tiêu biểu của thành phố Hải Phòng

Với công đức của Ngô Quyền nhiều triều đại đã ban sắc phong suy tôn ông là “Thượng đẳng tối linh Đại vương”, là “Ngô Vương thiên tử” và là “vị tổ trung hưng của dân tộc”. Năm 1880 vua Tự Đức đã ban sắc phong cho 17 xã thờ Ngô Quyền là Đông Khê, Phụng Pháp, Hàng Kênh, Dư Hàng, An Biên, Vĩnh Lưu, Hạ Đoạn, Đoạn Xá, Vạn Mỹ, Trục Cát, Đông Xá, Cát Bi, Gia Viên, Lạc Viên, Thượng Lý, Hạ Lý, An Chân. Và phong cho 6 tổng thờ Ngô Quyền là các tổng: Lương Xâm, Trung Hành, Trục Cát, Đông Khê, Hạ Đoạn, Gia Viên.

Sau đây là một số di tích thờ Ngô Quyền tiêu biểu tại các quận huyện trên địa bàn Hải Phòng.

1. Quận Hải An

- 1.1 Từ Lương Xâm (Phường Nam Hải)
- 1.2 Miếu – Chùa Trung Hành (Phường Đăng Lâm)
- 1.3 Miếu Hai Xã
- 1.4 Miếu Hạ Đoạn (Phường Đông Hải)
- 1.5 Miếu Phương Lưu (Phường Đông Hải)
- 1.6 Miếu Hạ Lũng (Phường Đăng Hải)
- 1.7 Đình Hạ Lũng (Phường Đăng Hải)
- 1.8 Chùa Vẽ (Phường Đông Hải)
- 1.9 Miếu Xâm Bồ(Phường Nam Hải)
- 1.10 Đình Xâm Bồ (Phường Nam Hải)
- 1.11 Đền, chùa Trục Cát (Phường Trục Cát)
- 1.12 Đình Cát Khê (Phường Tràng Cát)
- 1.13 Đình Lương Khê (Phường Tràng Cát)
- 1.14 Đình Lực Hành (Phường Đăng Lâm)
- 1.15 Đình Lũng Bắc (Phường Đăng Hải)
- 1.16 Đình Lương Xâm (Phường Nam Hải)

1. Quận Ngô Quyền

- 2.1 Đình , Chùa Phụng Pháp (Phường Đăng Giang)
- 2.2 Đình, Chùa Đông Khê (Phường Đông Khê)
- 2.3 Đình Lạc Viên (Phường Lạc Viên)
- 2.4 Đình Gia Viên (Phố Cấm)

2. Quận Hồng Bàng

- 1.1 Đình An Trì (Phường Hùng Vương)

3. Quận Lê Chân

- 4.1 Đình Hàng Kênh (Phường Hàng Kênh)
- 4.2 Đình Dư Hàng
- 4.3 Đình Hào Khê....

4. Huyện Thủy Nguyên

- 5.1 Đền Bạch Đằng Giang - Khu du tích Tràng Kênh Bạch Đằng (Thị trấn Minh Đức)

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG VÀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGŨ QUYỀN PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1. Đánh giá chung về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng

1.1. Khách du lịch và doanh thu từ du lịch

DU LỊCH	Đơn vị tính	Quý I năm 2011	Quý I năm 2012	Q.I 2011/ Q. I 2012 (%)
Số khách đến thành phố	1000 lượt	707.1	743.2	105.1
Trong đó: Khách quốc tế	"	139.0	143.8	103.5
- Tổng doanh thu HĐ Lưu trú, DL	Tỷ đồng	316.0	360.4	114

(Nguồn: Số liệu thống kê quý I năm 2012 – Công thông tin điện tử Tp Hải Phòng)

1.2. Chính sách phát triển du lịch ở Hải Phòng

Chính sách của chính quyền có vai trò rất quan trọng đến sự phát triển du lịch nói chung, thu hút khách du lịch nói riêng, hiện nay trên thế giới không có một nơi nào không tồn tại một bộ máy xử lý xã hội, bộ máy quản lý này có vai trò quyết định đến các hoạt động của cộng đồng đó. Hoạt động du lịch không nằm ngoài quy luật chung ấy. Một đất nước, địa phương có tài nguyên du lịch phong phú, mức sống người dân cao nhưng chính quyền địa phương không yểm trợ cho các hoạt động phát triển du lịch thì hoạt động này cũng không thể phát triển được. Trong những năm gần đây, đảng và nhà nước ta rất quan tâm đến sự phát triển của ngành du lịch, điều này thể hiện tại đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định đưa du lịch Việt Nam trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và từ đó đã quan tâm chỉ đạo một cách sát thực, ban hành một loạt các văn bản quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hành lang pháp lý cho du lịch nước nhà phát triển. Lập ban chỉ đạo

nhà nước về du lịch ở trung ương và ban chỉ đạo phát triển du lịch ở các địa phương.

Đối với Hải Phòng, theo quan điểm định hướng của đảng và nhà nước ta, Hải Phòng đã xác định du lịch là ngành kinh tế động lực nên các hoạt động về du lịch luôn luôn được chính quyền địa phương quan tâm một cách sâu sắc. Tỉnh ủy và UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, đề ra các chính sách cơ chế tạo điều kiện thuận lợi để du lịch phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của tỉnh, du lịch được đề cao và có vị thế quan trọng, quan tâm chú ý đến các loại hình du lịch dựa vào điều kiện tài nguyên phong phú sẵn có trên địa bàn. Tập trung đầu tư cao vào các điểm du lịch quan trọng, có tiềm năng lớn. Bằng nhiều chính sách thông thoáng và ưu đãi, các hoạt động đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch, nhiều chương trình hoạt động phục vụ cho du lịch các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp đã được gia tăng đáng kể trong thời gian vừa qua tạo sự chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh du lịch nói chung, phát triển thu hút khách du lịch nói riêng về cho thành phố.

1.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có liên quan tới rất nhiều ngành khác nhau. trong đó hệ thống cơ sở hạ tầng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh du lịch. Cơ sở hạ tầng có quan hệ mật thiết chặt chẽ đến sự phát triển của hoạt động kinh doanh các loại hình kinh doanh du lịch. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch hiện đại hay lạc hậu sẽ có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tới sự phát triển của du lịch. một điểm đến du lịch nếu có cơ sở hạ tầng tốt sẽ thỏa mãn các yêu cầu du khách đề ra. Nhìn chung trong những năm gần đây các cơ sở hạ tầng xã hội ở Hải Phòng đã được đầu tư nâng cấp và mở rộng để đầu tư cho các chương trình kinh tế- xã hội của thành phố trong đó có ngành du lịch. Chuyển biến mạnh nhất đó là hệ thống giao thông vận tải đường bộ, mạng lưới bưu chính viễn thông, hệ thống cung cấp nước sạch, mạng lưới tải điện và một số hạ tầng xã hội khác cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Trong đó những năm gần đây mạng lưới giao thông đô

thị, các con đường dẫn vào các điểm du lịch đã được đầu tư mạnh, chất lượng nâng cao, đi lại thuận tiện, tâm lý thoải mái cho du khách nên đã góp phần tích cực vào việc thu hút khách du lịch đến nơi đây. Cơ sở vật chất phục vụ cho ngành du lịch cũng phát triển theo hướng tốt, các hệ thống khách sạn nhà nghỉ, cơ sở vận chuyên khách du lịch, lễ hành cũng tăng lên đáng kể.

Hạn chế lớn nhất hiện nay về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch ở Hải Phòng là còn thiếu những cơ sở vui chơi giải trí mang tầm cỡ, phát triển cơ sở vật chất còn được đồng bộ, chính điều này đã hạn chế sự hấp dẫn thu hút du khách về du lịch tại nơi đây.

1.4. Cộng đồng dân cư địa phương

Ngoài các yếu tố cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch, thì cộng đồng dân cư tại một điểm du lịch có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển du lịch ở nơi đó.

Du khách đến Hải Phòng không chỉ có những niềm vui trong sự khám phá chiêm ngưỡng các cảnh quan tươi đẹp, di tích lịch sử của Hải Phòng và còn say mê con người ở nơi đây, đã đến là nhớ mãi về tấm lòng hiếu khách, thân thiện của người dân. Tất cả đều quyện chặt vào nhau tạo nên bản sắc văn hoá đa dạng và độc đáo. chính điều này đã trở thành mục tiêu khám phá, tìm hiểu của du khách đặc biệt là du khách quốc tế về du lịch nơi đây để hiểu thêm về non nước và con người Hải Phòng. Hơn nữa, dân cư ở đây có ý thức cao và tôn trọng những gì giá trị mà cha ông để lại, thiên nhiên ban tặng. từ đó luôn luôn có ý thức gìn giữ và bảo tồn và phát triển các di tích đó. Chính điều này làm cho con ngành du lịch đặc biệt là du lịch văn hoá phát triển ngày càng cao.

1.5. Các nhà cung cấp dịch vụ du lịch

Các hoạt động của nhà cung cấp dịch vụ du lịch mang tầm ảnh hưởng cao đến sự phát triển du lịch của một điểm du lịch nói riêng và của cả toàn khu vực nói chung. Chất lượng phục vụ và giá cả du lịch ảnh hưởng trực tiếp với nhu cầu của khách khi tới một địa điểm du lịch nào đó. tạo cho du khách những say nghĩ có nên đi hay không. bởi không chỉ có tài nguyên mới thu hút du khách đến mà có tài nguyên thì

mới chỉ có tiềm năng để phát triển còn muốn thực sự phát triển thì phải kết hợp nhiều nhân tố khác và hoạt động của các nhà cung cấp dịch vụ du lịch là một điều kiện để du khách đi đến tham quan.

Chất lượng phục vụ: là sự nghiên cứu và xác định mức độ tuyệt vời khi nó đáp ứng được yêu cầu của khách hàng mục tiêu. mức độ tuyệt vời được xác định trên cơ sở chờ đợi của người tiêu dùng. Ở Hải Phòng hiện nay, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch đã chú ý tới điều này và với mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ.

Cơ sở vật chất kỹ thuật: Ngày càng đảm bảo tính hợp lý theo chức năng hoạt động của các doanh nghiệp, trang bị đã có tính đồng bộ, hiện đại phù hợp với các loại khách sạn nhà hàng đáp ứng nhu cầu và đa dạng của khách du lịch.

Chất lượng đội ngũ lao động: Nhân viên ngày càng được nâng cao cả về kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ, có thái độ ứng xử tốt. nói chung là nhân viên trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch ở đây ngày càng được đào tạo bài bản về trình độ ngoại ngữ giao tiếp, kiến thức về địa lý lịch sử, am hiểu phong tục tập quán, tạo ra các nét đặc trưng riêng ... tạo ấn tượng với du khách.

Sản phẩm và dịch vụ du lịch: Hải Phòng đã từng bước cải tiến đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ du lịch , giá cả các sản phẩm, dịch vụ du lịch

Giá cả của các các sản phẩm và dịch vụ là nhân tố rất nhạy cảm đối với quyết định mua của khách du lịch. Giá cả được coi là chỉ số đầu tiên để khách du lịch đánh giá phần được và chi phí phải bỏ ra để được tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ. Ở Hải Phòng hiện nay, nói chung các nhà cung cấp dịch vụ du lịch đã xây dựng được hệ thống giá cả cho các sản phẩm, dịch vụ du lịch của mình. Tuy nhiên các áp dụng chính sách giá còn chưa linh hoạt cho từng đối tượng cụ thể và theo mùa vụ cụ thể, từ đó hiệu quả thu hút khách còn chưa cao.

2. Thực trạng hoạt động du lịch của thành phố

2.1. Thuận lợi

Thành phố Hải Phòng có nhiều lợi thế để phát triển du lịch với nhiều danh lam thắng cảnh. Nổi bật lên trong không gian đó là bán đảo Đồ Sơn và đảo Cát Bà- nơi đang gây được tiếng vang về du lịch biển, có sức hút lớn với du khách trong và

ngoài nước. Đây sẽ là điểm nhấn để du lịch Hải Phòng phát triển trong tương lai không xa. Hải Phòng còn có những dòng sông uốn lượn quanh co, từ ngoại thành chảy len vào nội đô, giữa phố phường, gợi ý cho những người làm du lịch tổ chức những tuyến du lịch trên sông đưa khách về với đồng quê ngát ngào hương lúa, với những vườn cây, ao cá và những làng nghề truyền thống... Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng để lại cho vùng đất này nhiều di tích lịch sử, truyền thống văn hóa qua những di sản vật thể và phi vật thể ở khắp nơi là mảnh đất rất màu mỡ cho du lịch thành phố phát triển. Là thành phố cảng có đầu mối giao thông quan trọng với đường biển, đường sông, đường bộ, đường sắt và cả đường hàng không, nhất là khi Hải Phòng chúng ta có sân bay quốc tế lớn ở Tiên Lãng, một trung tâm kinh tế phát triển và là một cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế động lực phía Bắc, Hải Phòng sẽ là chiếc nôi, là bệ phóng để cho ngành Du lịch đi lên.

Xuất phát từ những lợi thế trên, trong chủ trương phát triển kinh tế của thành phố, Nghị quyết của Thành ủy đã đặt vị trí “Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Thành phố”. Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam cũng đã xác định “Hải Phòng, Quảng Ninh là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước, được ưu tiên đầu tư phát triển, trong đó có khu du lịch Hạ Long - Cát Bà là một trong 4 khu du lịch tổng hợp của quốc gia”. Lượng khách quốc tế và nội địa đã có tăng lên trong giai đoạn vừa qua, trong đó tập trung chủ yếu là du lịch tham quan nghỉ dưỡng. Hệ thống khách sạn nói chung đã đáp ứng được nhu cầu lưu trú của khách, chất lượng phục vụ của hệ thống khách sạn đã được nâng cao đáp ứng nhu cầu của khách. Nhiều khách sạn đã tăng cường chú trọng đổi mới trang thiết bị, tăng dịch vụ bổ sung. Doanh thu và nộp ngân sách của ngành du lịch Hải Phòng ngày một cao hơn giải quyết công ăn việc làm cho lao động trong ngành và cả những ngành khác như thương mại dịch vụ, sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng lưu niệm. Hoạt động trong lĩnh vực Du lịch của Hải Phòng ngày nay rất phong phú và đa dạng: Từ du lịch biển, du lịch sinh thái đến tham quan những danh thắng, những di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội... không chỉ

phục vụ ăn nghỉ, mà còn tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe. Tầm hoạt động của du lịch được mở rộng ra khỏi biên giới quốc gia, vươn tới thị trường các châu lục. Đáng chú ý, kinh doanh du lịch đã được xã hội hóa cao. Tất cả các cơ sở làm du lịch, khách sạn... được phân bổ khắp nội, ngoại thành đến hải đảo... Nhiều khu, điểm và trung tâm du lịch được xây dựng mới, hoặc chỉnh trang hấp dẫn hơn trước. Cơ sở vật chất kỹ thuật không ngừng được tăng cường, nhất là các khách sạn, nhà hàng có nhiều đời mới, đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, thu hút hàng vạn lao động đang ngày đêm tích cực làm việc, đáp ứng cơ bản nhu cầu của du khách.

Khách du lịch trong nước và nước ngoài đến Hải Phòng năm sau cao hơn năm trước, điều đó cho thấy sức hấp dẫn của du lịch Hải Phòng từ phong cảnh thiên nhiên đến văn hóa cộng đồng. Sự phát triển đó tạo ra hiệu quả kinh doanh đáng khích lệ, góp phần không nhỏ trong tổng sản phẩm xã hội, cũng như ngân sách của thành phố.

2.2. *Khó khăn*

Du lịch Hải Phòng còn không ít hạn chế, yếu kém. Đó là: chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế; công tác quy hoạch chưa theo kịp được đà phát triển nhanh chóng, còn mang nặng tính tự phát. Du lịch Hải Phòng không có sự quảng bá tốt, thiếu những sản phẩm du lịch độc đáo, những thương hiệu mạnh để đủ sức cạnh tranh ngay ở trong nước, chứ chưa nói đến quốc tế. Thu hút và huy động vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch còn khiêm tốn, vì vậy chưa có những công trình lớn làm điểm nhấn cho phát triển ngành. Là một thành phố lớn, đô thị loại 1, song đến nay thành phố chúng ta vẫn chưa có khách sạn 5 sao, hạn chế trực tiếp đến việc tổ chức các sự kiện quốc tế lớn ở Hải Phòng. Lực lượng lao động vừa thiếu, vừa yếu ở hầu hết các lĩnh vực kỹ thuật, nghiệp vụ. Công tác quản lý lĩnh vực tuy có cố gắng nhưng còn nhiều bất cập. Du lịch văn hóa còn khá mờ nhạt biểu hiện ở chỗ khách du lịch chỉ tập trung vào một số điểm du lịch quen thuộc trên địa bàn thành phố, không có nhiều những tour du lịch chuyên đề cho khách khám phá một chuỗi

các di tích có liên quan. Doanh thu từ du lịch văn hóa chưa cao, chưa xứng tầm với tiềm năng vốn có của Hải Phòng.

Vì vậy, hơn lúc nào hết toàn ngành Du lịch Hải Phòng cần phát huy những truyền thống trong 50 năm qua, khắc phục những tồn tại, yếu kém đang hạn chế sự phát triển, nắm vững lợi thế của địa phương, tập trung đẩy mạnh mọi hoạt động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bước đầu, cần ổn định tổ chức quản lý ngành, gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa, thể thao và du lịch, phối hợp hòa quyện 3 mặt công tác làm 1, cùng thúc đẩy sự phát triển chung. Trong đó đặc thù của du lịch là kinh doanh, dịch vụ, nên cần phải tăng cường quản lý chặt chẽ, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo của sự tồn tại và phát triển. Mặt khác, Du lịch còn là phương tiện rất hữu hiệu quảng bá hình ảnh thành phố, tạo thêm sức hút đầu tư, tạo động lực để nâng cao dân trí, mang lại nguồn thu lớn không chỉ cho ngân sách mà còn cho cả đồng bào người dân thành phố chúng ta. Hải Phòng phải xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, tương xứng với thành phố lớn.

2.3. Mục tiêu

Rà soát lại và hoàn chỉnh quy hoạch phát triển du lịch thành phố, bao gồm từ các khu, các trung tâm du lịch, các công trình lớn, cả quy hoạch tổng thể đến thiết kế kiến trúc cụ thể, quan tâm hơn nữa đến bảo vệ môi trường, xây dựng được các sản phẩm du lịch đặc thù của Hải Phòng, nhất là các tuyến, điểm du lịch, các kỷ vật lưu niệm và nghệ thuật ẩm thực Hải Phòng... Trong quá trình phát triển, cần tập trung thu hút vốn đầu tư, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và đẩy mạnh xã hội hóa về du lịch, để xây dựng những khu vui chơi giải trí, những khách sạn cao cấp. Nghiên cứu chỉnh trang dải công viên trung tâm có nhiều nét đặc sắc về văn hoá và nghệ thuật, tạo thêm điểm tham quan cho du khách.

Du lịch Hải Phòng cần chú trọng tăng cường đào tạo đội ngũ lao động có đủ trình độ kỹ thuật và nghiệp vụ, nhất là lực lượng hướng dẫn viên du lịch; đẩy mạnh quảng bá du lịch dưới nhiều hình thức nhằm giới thiệu từng điểm, từng tuyến, các sản phẩm lưu niệm cho khách du lịch. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các hãng du lịch khác để tiếp nhận các đoàn khách nước ngoài đến thành phố và Việt

Nam, phần đầu đạt bằng được số lượng lượt khách du lịch như chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

2.4. Các di tích lịch sử với hoạt động du lịch của thành phố Hải Phòng

Hải Phòng là một thành phố cảng có vị thế quan trọng cả về chính trị, kinh tế, quân sự, giao thông vận tải và văn hóa đối với cả nước. Những năm gần đây, Hải Phòng còn là một trung tâm trong tam giác phát triển các tỉnh phía bắc bao gồm Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh, là đô thị loại một cấp quốc gia đã được chính phủ phê duyệt. Mặc dù là một địa danh mới xuất hiện đến nay trên một thế kỷ, nhưng trong lòng đất, ngoài bờ biển hay trên đất liền, thành phố Hải Phòng đã và đang lưu giữ một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể hết sức phong phú và đa dạng, mang đậm bản sắc dân tộc cũng như phản ánh những nét riêng của con người Hải Phòng được sản sinh, lưu giữ qua nhiều thế hệ dọc theo chiều dài lịch sử dân tộc. Những di sản văn hóa phong phú đó đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của thành phố. Trong đó, ngành du lịch cũng đã tích cực tiếp cận nhằm khai thác phát huy giá trị từ những tinh hoa của văn hóa dân tộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo con số thống kê chưa đầy đủ, thành phố Hải Phòng hiện còn lưu giữ hơn 1.000 di tích, bao gồm 537 ngôi chùa, 107 nhà thờ, số còn lại là các đình đền, miếu phủ... Trong đó, có 103 di tích được Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia; 165 di tích được Ủy ban nhân dân thành phố xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp thành phố.

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và giao lưu quốc tế hiện nay, di sản văn hóa Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung đã và đang được nhà nước đặc biệt quan tâm nhằm bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị. Trên cơ sở những qui định của nhà nước về công tác bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, thành ủy Hải Phòng đã ra nghị quyết về: "Xây dựng và phát triển văn hóa Hải Phòng đến năm 2020" để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần xã hội. Trong đó, xác định những định hướng lớn, hoạch định toàn diện cho chiến lược bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Thành phố đã và đang tích cực tranh thủ nguồn vốn từ chương trình mục tiêu chống xuống cấp di

tích của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch để trùng tu tôn tạo các di tích có giá trị lớn về nghệ thuật. Các khu di tích tiêu biểu của thành phố như Dương Kinh nhà Mạc huyện Kiến Thụy, tháp Tường Long Đồ Sơn, khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm huyện Vĩnh Bảo, di tích danh thắng Tràng Kênh Bạch Đằng, các di tích Khảo cổ học và danh thắng trên đảo Cát Bà đang được gấp rút xây dựng qui hoạch tổng thể và có chiến lược đầu tư dài hạn nhằm bảo vệ và phát huy giá trị, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế văn hóa xã hội của thành phố. Đồng thời, thành phố dành một khoản ngân sách và tập trung chỉ đạo triển khai các công trình nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa lễ hội truyền thống, các bộ môn nghệ thuật dân gian. Một số vấn đề khác cũng đang được tích cực triển khai như hướng dẫn nhân dân chủ động gìn giữ, phát huy các giá trị di sản văn hóa, thực hiện công tác xã hội hóa trùng tu di tích, gắn kết công tác bảo tồn di sản văn hóa với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, từng đơn vị.

Với sự phong phú đa dạng cũng như những hoạt động về công tác bảo tồn di sản văn hóa tại Hải Phòng đã có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành du lịch. Nhiều tua du lịch ở trung ương và địa phương đã xây dựng những kịch bản du lịch văn hóa tại Hải Phòng. Như vậy, những tác động tích cực và tiêu cực của phát triển du lịch đối với di sản văn hóa ở Hải Phòng chưa thực sự có những biểu hiện mạnh mẽ. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia ở trung ương và địa phương, hoạt động du lịch lĩnh vực di sản văn hóa ở Hải Phòng là hấp dẫn, đầy tiềm năng nhưng chưa được khai thác một cách triệt để, mang tính bền vững.

3. Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa của một số di tích thờ Ngô Quyền tại Hải Phòng

3.1. Di tích Từ Lương Xâm

3.1.1. Sự ra đời hình thành phát triển

Từ Lương Xâm là một di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, nay thuộc địa bàn làng Lương Xâm – phường Nam Hải – quận Hải An thành phố Hải Phòng. Nơi đây đã từng là đại bản doanh đóng quân và tích trữ lương thực của Ngô Quyền trong trận đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào năm 938. Sau khi Đức

Ngô Vương Quyền mất, dân làng ở đây đã dựng đền thờ ông để tỏ lòng kính trọng và tôn vinh với một vị anh hùng kiệt xuất của dân tộc. Trải qua một thời gian dài với nhiều biến cố lịch sử, Từ Lương Xâm ngày nay là một địa điểm hội tụ tâm linh, tín ngưỡng đông đảo của người dân địa phương và khách thập phương khắp nơi trong cả nước. Theo những tài liệu xưa nhất có được thì Từ Lương Xâm được xây dựng từ thời Hậu Lê và được trùng tu lớn vào thời Nguyễn, chỉ có một số chi tiết kiến trúc của Từ còn mang dáng dấp nghệ thuật thời Hậu Lê. Tương truyền thì vị trí Từ Lương Xâm ngày nay chính là đại bản doanh đóng quân của Ngô Quyền khi ông chuẩn bị cho việc bày trận mai phục đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938. Ngày nay ở Lương Xâm vẫn còn chứng tích của tường thành mà Ngô Quyền cho đắp để đóng tại bản doanh quân đội của mình. Thành có hình giống như vành một chiếc kiệu vì vậy nhân dân quen gọi là thành Vành Kiệu. Thành được đắp trên một gò đất cao, có chu vi khoảng 1.700. Trải qua những biến động của thời gian, thành đã bị phá hủy nhiều, nhiều chỗ nhiều khi không còn để lại dấu tích. Riêng phần còn lại với dấu tích rõ rệt có hình giống vành kiệu với độ dài trên dưới 1.300 m, bề rộng trung bình 1 m, có đoạn rộng tới 7 m, chiều cao khoảng xấp xỉ một mét chỗ cao nhất là 1,6m. Theo thần tích đình Gia Viên soạn vào năm 1572 miêu tả thì nằm ở gò đất cao – trung tâm của thành Vành Kiệu, là đền thờ Ngô Quyền, nhân dân gọi là Từ Cả.

3.1.2. Giá trị kiến trúc

Ngày nay Từ Lương Xâm tọa lạc trên một khu đất rộng, cao ráo hơn so với địa hình xung quanh. Với kiến trúc được làm theo hình chữ Công, từ ngoài cổng vào ta bắt gặp hai giếng nước đào nhỏ ở hai bên được gọi tắt là giếng mắt rồng, quanh năm đầy ắp nước. Tương truyền khi đóng quân ở đây, Ngô Quyền đã cho đào để quân lính lấy nước ăn uống, sinh hoạt. Từ cổng chính vào là một khoảng sân rộng ước chừng 200 m² là nơi diễn ra các hoạt động tế lễ và hội hè hằng năm. Hai bên là hai dãy tả vu và hữu vu dùng cho việc chuẩn bị những công việc hành sự tế lễ hoặc nghỉ ngơi, tiếp khách. Qua mảng sân rộng là tòa Tiền đường. Tòa Tiền đường là tòa nhà năm gian với diện tích tổng thể khoảng 150m², được dựng

trên bộ khung bao gồm bốn bộ vì giữa, mỗi bộ vì này được liên kết bởi bốn hàng cột lim chắc khỏe (hai cột cái có chu vi to gấp rưỡi hai cột quân). Vì kèo được làm theo kiểu chông rường giá chiêng: hai cột cái bồi với nhau bằng một xà gỗ lớn (câu đầu) chỉ kê trên đầu cột cái chứ không có một ăn vào cột cái. Ở đầu mỗi cột cái vươn ra về hai bên theo chiều ngang (song song với câu đầu) là các đầu dư đỡ lấy câu đầu, đặc biệt các đầu dư này được chạm khắc nổi hình rồng, miệng há, môi trên héch lên đỡ lấy câu đầu trông rất nghệ thuật. Nối liền tòa Tiền bái với tòa Hậu cung ở giữa là nhà Thiêu hương (gian ống muống). Nhà thiêu hương được thiết kế rộng sang cả hai bên tả, hữu. Bên hữu là nơi đặt thờ ba chiếc cọc gỗ - chứng tích mà Ngô Quyền đã dùng khi đánh trận Bạch Đằng lịch sử năm xưa và bên tả là nơi thờ chiếc thuyền lớn - biểu tượng cho sự chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền. Tòa hậu cung có cấu trúc thiết kế giống như tòa Tiền bái nhưng diện tích nhỏ hơn. Giữa gian của tòa Hậu cung là hai pho tượng mặc xiêm y triều phục, tay trái cầm gươm, tay phải đặt trước ngực trong thế phụng hầu. Đây chính là hai pho tượng Đào Nhuận và Nguyễn Tất Tố - hai vị tướng tài của Ngô Quyền người làng Gia Viên, Hải Phòng đã có công trong trận Bạch Đằng năm xưa. Cung cấm của tòa Hậu cung là nơi đặt thần tượng của người anh hùng dân tộc Ngô Vương Quyền. Tượng được làm bằng gỗ tốt và có từ xa xưa. Tượng ngồi trên long ngai, đặt long khám và được sơn son thiếp vàng. Thần tượng được đặt ngồi trong tư thế thiết triều, đầu đội vương miện cánh chuồn, thân khoác áo long bào đỏ trên thêu hình rồng, phượng.

Theo tài liệu thống kê di tích của Từ Lương Xâm thì tại đây còn lưu giữ được 132 di vật, trong đó có những cổ vật có giá trị lớn về mặt lịch sử và văn hóa như: nhang án, kiệu bát cống, sắc phong qua các triều đại. Riêng với sắc phong thì tổng số còn lại đến ngày nay là 25 đạo sắc, có niên đại từ thế kỷ XVII (thuộc triều Lê Sơ) đến năm 1924 (thuộc triều Nguyễn), trong đó có nhiều sắc phong của các triều đại suy tôn ông là “Thượng đẳng tối linh Đại vương” hay “Ngô Vương thiên tử”. Nhìn chung các công trình kiến trúc dựng trong Từ nhìn toàn cảnh là một kiểu kiến trúc liên hoàn khép kín mang vẻ trang nghiêm. Chúng được đắm mình trong một không gian thiêng

đầy tính tự nhiên bởi các cây cổ thụ cổ kính có niên đại trên dưới 400 năm như cây đa, cây gạo tạo thêm cho di tích một sinh linh thiên thâm sâu nơi cõi thánh.

3.1.3. Lễ hội

Cũng giống như lễ hội của các vùng miền khác trên cả nước, lễ hội Từ Lương Xâm là sự thể hiện một nét đẹp truyền thống văn hóa quý báu của nhân dân ta. Hàng năm, lễ hội được tổ chức để tưởng nhớ đến công lao to lớn của Đức Ngô Vương Quyền – người đã có công to lớn trong sự nghiệp đấu tranh, giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do cho nhân dân, đồng thời nó cũng còn chứa đựng cả những ước nguyện khát khao của nhân dân về một cuộc sống no ấm, đầy đủ. Lễ hội Từ Lương Xâm hàng năm là lễ hội có tính lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân trong vùng và có tính giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc mạnh mẽ.

a. Chuẩn bị lễ hội

Ngày xưa, như các cụ kể lại, lễ hội Từ Lương Xâm hằng năm được tổ chức trong ngày (từ ngày 16 đến 18 tháng giêng) – đúng vào dịp kỷ niệm ngày mất Đức Ngô Vương Quyền để tưởng nhớ công lao của ông. Để chuẩn bị tốt cho hoạt động cầu lễ hội, ngay từ ngày 14 tháng giêng nhân dân tổng Lương Xâm đã tiến hành các hoạt động tế lễ như: lễ trình, lễ mở cung, lễ mộc dục, lễ di cung thánh thượng, lễ an vị. Sáng ngày 15 tháng giêng, lễ rước thánh tượng ra đình Lương Xâm được tổ chức từ sáng sớm với nghi lễ thành ính, trang nghiêm cùng với sự tham gia nô nức của đông đảo nhân dân trong vùng. Thánh tượng được rước ra đình để làm lễ và phụng thờ một đêm ở đó. Tham gia lễ rước còn có đoàn rước của các làng lân cận cùng có di tích thờ Ngô Vương Quyền như đoàn rước của làng Hạ Lũng, làng Hạ Đoạn, làng Xâm Bò... Đi đầu đoàn rước bao giờ cũng là đoàn của làng Lương Xâm, sau đó là Hạ Đoạn, Xâm Bò, Hạ Lũng và các đoàn của các địa phương khác. Sáng 16 tháng giêng, thánh tượng được rước từ đình về Từ Lương Xâm làm đại tế với những nghi lễ truyền thống và kể từ đây các hoạt động của lễ hội chính thức được bắt đầu. Cũng theo các cụ già làng kể lại thì cứ năm năm một lần, gặp thời “phong đăng hoa cốc”, màu mạng bộ thu, nhân dân nô đủ thì mọi người dân ở các

làng xã thuộc vùng An Dương cũ (diện tích Hải An ngày nay là một phần của An Dương trước đây) lại tung bùng mở hội và họp tế lại Từ Cả Lương Xâm với các nghi thức tế lễ và đoàn rước của các đội tế “Tứ linh từ” từ các làng khác trong rông. Tứ linh từ được người dân địa phương tôn thờ trên địa phương mình với bốn vị thánh là: Ngô Vương Quyền, (thờ ở Từ Lương Xâm), Trần Hưng Đạo – Đức thánh Trần (thờ ở đền Phú Xá), Công chúa Liễu Hạnh – Thượng Thiên Thánh Mẫu (thờ ở phủ Thượng Đoạn), Đức Thánh Nam Hải Đại cương – Phạm Tử Nghi (thờ ở từ Nghĩa Xá). Đứng chân chủ tế trong các dịp tế lễ này đích thân phải là chánh tổng. Sau lễ họp tế, các đoàn mới nghi vệ Thành hoàng của làng mình tảo về các làng mở hội vui chơi, diễn rò “bách hí”.

Thời kỳ toàn dân kháng chiến, do tình hình ác liệt của cuộc chiến, lễ hội Từ Lương Xâm không thực hiện được một cách đều đặn. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc và đặc biệt sau ngày thống nhất tổ quốc, nhân dân nơi đây đã từng bước khôi phục tổ chức lại diện mạo lễ hội để nối tiếp truyền thống văn hóa làng xã ucar những lớp cha ông đi trước. Thực hiện tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng về việc “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngoài việc chăm lo, phát triển về đời sống, kinh tế, vật chất cho nhân dân, các cấp chính quyền nơi đây đã chú ý quan tâm đến việc quản lý, giữ gìn, tu bổ và tôn tạo lại di tích Từ Lương Xâm và khôi phục lại hoạt động lễ hội của nó để nhằm đáp ứng nhu cầu về mặt tinh thần của nhân dân trong vùng. Trên nền tinh thần đó, năm 2006, Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) đã đầu tư trên 12 tỉ đồng, kết hợp với nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân để trung tu, tôn tạo lại khu di tích và đến năm 2008 công việc đã cơ bản hoàn thành, mang lại khu di tích một vẻ uy nghi, hoành tráng. Cũng năm 2008 nhân dân lễ khánh thành công trình trung tu khu di tích, kỷ niệm 1070 năm chiến thắng vĩ đại Bạch Đằng và 1064 năm ngày mất của Đức Ngô Vương Quyền, lễ hội Từ Lương Xâm được đặc biệt tổ chức trang trọng với sự có mặt của lãnh đạo Ủy ban Nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận Hải An, phường Nam Hải và đông đảo bà con nhân dân khắp vùng.

Lễ hội Lương Xâm ngày nay cơ bản được phục hồi có diện mạo giống như lễ hội trước đây. Công việc chuẩn bị một cách khá chu đáo. Trước ngày chính thức tổ chức lễ hội khoảng một tuần, Ban quản lý di tích tổ chức họp bàn dân làng (thành phần bao gồm: đại diện cho chính quyền cơ sở, đại diện nhân dân công an và dân phòng) để phổ biến và xin ý kiến kế hoạch tổ chức lễ hội. Trong cuộc họp này, Ban tổ chức mà đứng đầu là ông trưởng ban quản lý khu di tích đưa ra các phương án tổ chức lễ hội, bầu ra các Ban chịu trách nhiệm từng mảng công việc cụ thể như: Ban trang trí, khánh tiết, Ban mời và đón tiếp khách, Ban tế lễ, Ban tổ chức vui chơi, văn nghệ, Ban hậu cần, Ban an ninh lễ hội.

b. Nghi thức lễ hội và các trò chơi dân gian

Trước lễ hội một ngày, các hoạt động tế lễ trang nghiêm được tiến hành như: lễ mộc dục, lễ rước văn, lễ khai cung xin Thành hoàng cho dân làng được mở hội. Sáng ngày hôm sau (16 tháng giêng) lễ hội chính thức được diễn ra. Từ sáng sớm, các đoàn tế, rước của đông đảo bà con nhân dân các khu như Đăng Hải, Đông Hải, Nam Hải đã tổ chức rước thần từ các linh từ và tập trung hội tụ đến Ủy ban Nhân dân phường Nam Hải. Sau đó tất cả các đoàn rước mà đi đầu là đoàn của khu Nam Hải bắt đầu tiến về Từ Cả (Từ Lương Xâm) để làm các nghi lễ tế yết truyền thống. Sau khi các đoàn rước trở về ổn định đội hình theo sự phân công trước của Ban tổ chức tại sân tế lễ của Từ, ông trưởng ban tổ chức lễ hội đứng lên tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mọi người làm thủ tục chào cờ, hát quốc ca, giới thiệu một vị đại diện cho chính quyền địa phương (mà thường là ông chủ tịch phường) lên đọc lời khai mạc lễ hội. Tiếp theo là bài diễn văn tiểu sử tóm tắt – thần phả Đức Thánh Ngô Vương Quyền do ông trưởng ban quản lý khu di tích này trình bày. Kế tiếp là phần lễ dâng hương của các đoàn và của các đại biểu về dự hội. Phần tiếp theo quan trọng trong buổi sáng ngày khai mạc lễ hội là phần khóa tế. Phần khóa tế khai mạc này là phần do đội tế nam của Từ thực hiện. Đội hình tế là những người được tuyển chọn kỹ trong làng, tuổi đời khoảng từ 40 đến 60, có tiểu sử gia đình và bản thân tốt, dáng vóc tương đối ưa nhìn. Trước khi vào tế, đội hình tế đã ở vào vị trí phân công từ trước rất bài bản, nhịp nhàng. Hai vị Thông

Họa (Đông xướng – Tây xướng) đứng trên hai ghé cao, bản rộng ở về hai phía tả - hữu của hương án. Phường bát âm được ngồi ở chiếu trái phía sau hai vị Thông – Họa. Ở giữa chiếu trước hương án là vị mạnh bái và hai bên là hai vị bồi tế. Đứng thành hai hàng dọc hai bên tả hữu của hương án, sau hai hàng lỗ bộ là các vị chấp sự (mỗi bên khoảng 8 đến 10 người). Cuối cùng là những người cầm sênh, tiền đứng ở vị trí cuối cùng của chiếu tế, tất cả đều đi giày hài, mũi cong, thêu rồng rất kiểu cách, tay chạn nhún nhẩy, người thị lặc lư múa theo điệu nhạc của phường bát âm trên làn điệu lưu thủy ngũ đối để hầu thánh. Phần tế được thực hiện trong sự chứng kiến tham dự của đông đảo nhân dân trong vùng, khách thập phương khắp nơi trong thành phố và các vùng miền khác nhau về dự, đã tạo cho lễ hội một không khí thành kính, trang nghiêm và linh thiêng. Phần hội được tiến hành song song, xem kẽ với các phần lễ trong ba ngày tổ chức lễ hội với nhiều trò chơi dân gian khá độc đáo và đặc sắc. Những tiết mục biểu diễn văn nghệ truyền thống như: hát chèo, hát văn, hát dân ca của các đoàn nghệ thuật không chuyên trong vùng là không thể thiếu trong các hoạt động vui chơi của lễ hội. Các trò chơi dân gian truyền thống như: Múa lân, bịt mắt bắt dê, bịt mắt đập niêu, đu tiên, tổ tôm, cờ tướng cũng được tổ chức với sự tham gia của những người chơi và đông đảo người xem, cổ vũ hò reo đã góp phần tạo cho không khí của lễ hội thêm sắc màu vui tươi, sinh động.

Ngoài những trò chơi truyền thống kể trên, Ban tổ chức lễ hội còn tổ chức các cuộc thi về bóng đá, bóng chuyền là những môn chơi thể thao ngày nay mới được bổ sung. Những môn chơi này luôn luôn được sự tham gia hưởng ứng góp mặt của đông đảo nhân dân và các khách thập phương đến dự lễ hội, tạo thêm không khí sôi động của hoạt động lễ hội nói chung.

3.1.4. Công tác tổ chức quản lý và tôn tạo di tích

Trải qua thời gian tồn tại, tuy đã được quan tâm giữ gìn nhưng do điều kiện tự nhiên, môi trường, tác động của con người, yếu tố tuổi thọ của vật liệu, di tích không tránh khỏi sự xuống cấp nặng nề và đứng trước nguy cơ có thể bị hư hại, mất mát. Để bảo tồn di sản văn hoá dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất,

tin thần cho nhân dân địa phương, phục vụ thăm viếng, thờ tự tín ngưỡng, giới thiệu lịch sử văn hoá, tạo điều kiện nghiên cứu cho các đối tượng và du khách quốc tế tới tham quan, nghiên cứu di tích. Được sự quan tâm của Bộ văn hoá thông tin (nay là Bộ văn hoá thể thao và Du lịch), ngày 03 tháng 7 năm 2006 UBND thành phố Hải Phòng đã có quyết định số 1449/ QĐ – UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Đức Vương Ngô Quyền - đại bản doanh Từ Lương Xâm phường Nam Hải - quận Hải An – thành phố Hải Phòng. Sở văn hoá thể thao và Du lịch (chủ đầu tư) đơn vị thi công, UBND quận Hải An đã tiến hành phát lệnh khởi công ngày 22/12/2006. Sau hơn một năm thi công khẩn trương công trình đã hoàn thành và bàn giao cho phường Nam Hải quản lý và sử dụng vào ngày 25/01/2008. Để tiếp tục phát huy truyền thống đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam*”, ngày 14/04/2008 UBND quận Hải An đã trình UBND Thành phố xin được xây dựng Tượng đài Đức Vương Ngô Quyền tại đại bản doanh Từ Lương Xâm phường Nam Hải. Thành phố ra văn bản số 2070/ UBND – VX ngày 18/04/2008 về việc đồng ý cho xây dựng Tượng đài Đức Vương Ngô Quyền tại khu di tích Từ Lương Xâm Căn cứ quyết định số 1011/QĐ – UBND ngày 19/06/2008 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng Nghệ thuật công trình tượng đài Đức Vương Ngô Quyền tại khu di tích Từ Lương Xâm - phường Nam Hải quận Hải An.

Đơn vị thi công đã tập trung cán bộ kỹ thuật giỏi, công nhân có tay nghề cao, nhiệt tình và có trách nhiệm. Mặc dù, một số công việc thi công đòi hỏi kỹ, mỹ thuật cao, nhưng đơn vị thi công đạt yêu cầu thiết kế. Trong điều kiện thi công hoàn toàn thủ công, với những kết cấu lắp ghép có kích thước và trọng lượng lớn, đơn vị thi công đã thi công đảm bảo an toàn về người và thiết bị. Trong quá trình thi công, gặp thời tiết không thuận lợi, đơn vị thi công đã bố trí công nhân làm bù cả ngày tết, lễ làm đêm, thi công đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trong thời gian không dài, đơn vị thi công đã thực hiện xong một khối lượng công việc khá lớn gồm các hạng mục công trình, xây dựng Tượng đài, bệ tượng, sân công viên, san lấp mở rộng đường, trải thảm cỏ, xây dựng sân quảng trường, bố trí

hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư và đơn vị thi công luôn nhận được sự động viên, khích lệ, chỉ đạo sát sao, tích cực của Thành ủy- HĐND- UBND Thành phố Hải Phòng các ngành của Thành phố, Sở văn hóa- thể thao Du lịch, Quận ủy và UBND Quận Hải An, nhân dân địa phương, khách thập phương và đặc biệt là ngày 18/10/2010 *Thủ tướng Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nguyễn Tấn Dũng* đã về tri ân tưởng nhớ công đức của vị anh hùng dân tộc, trồng cây đa lưu niệm và dâng nén hương thơm tại tượng đài Đức Vương Ngô Quyền. Đền thờ Đức Vương Ngô Quyền - Đại bản doanh Từ Lương Xâm với quy mô kiến trúc, cảnh quan bề thế, trang trí nghệ thuật phong phú và là nơi thờ vị anh hùng dân tộc, việc xây dựng Tượng Đài Đức Vương Ngô Quyền tại đại bản doanh của người đã khẳng định vị trí của di tích, một di sản vô giá của dân tộc. Đền thờ Đức Vương Ngô Quyền là địa chỉ thuận lợi cho nhiều du khách trong nước và quốc tế đến thăm, nghiên cứu, công trình hoàn thành được đưa vào sử dụng, sẽ lưu giữ một di sản văn hóa dân tộc mãi mãi cho đời sau, làm cho di tích thực sự có những đóng góp nhất định trong việc nghiên cứu các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật của hệ thống kiến trúc các di tích vùng Đồng bằng Bắc bộ.

Hằng năm cứ vào trung tuần tháng giêng từ 16 đến 18, Lễ hội Từ Lương Xâm được tổ chức long trọng và thành kính, nhằm ghi nhớ công lao to lớn của người anh hùng dân tộc đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi, mang lại cuộc sống thanh bình, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, đó là Ngô Quyền vị vua đầu tiên của nước Việt ta. Lễ hội là sự thể hiện một nét đẹp văn hóa của người dân nơi đây trong việc giữ gìn, bảo tồn bản sắc văn hóa quý báu của dân tộc. Nó có tác dụng to lớn đáp ứng phần nào nhu cầu về đời sống tâm linh, tín ngưỡng của một bộ phận người dân nơi đây và khách thập phương. Hơn thế nữa, nó còn có tác dụng trong việc giáo dục những thế hệ đi sau biết trân trọng những thành quả của những lớp người đi trước đã không tiếc xương máu hi sinh anh dũng để lớp lớp cháu con ngày hôm nay có được cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc, từ đó hình

thành trong họ lòng yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

3.2. Di tích Đình Hàng Kênh

3.2.1. Quá trình hình thành di tích

Tại thềm hiên mé tả đình vẫn còn một tấm bia đá ghi nhận công đức của những người đóng tiền của tu tạo ngôi đình. Trên tấm bia khắc “Khởi công năm Tự Đức Tân Hợi 1851”. Tuy nhiên, theo lời kể của các cụ bô lão địa phương thì đình Hàng Kênh đã có từ thời Lê Vĩnh Thịnh thứ 11 (năm 1718), đầu thế kỷ XVIII làng đã khởi dựng ngôi đình tại bờ Lau Giẻ thuộc thôn Bắc, xã Hàng Kênh (năm 1718). Đến năm Canh Tý, đời vua Minh Mạng ngôi đình đã bị hư hỏng nặng, người già và các vị chức sắc trong làng xã đã nhiều lần họp bàn đi đến quyết định dựng lại Đình. Địa bàn khởi công mới là thôn Trung – vị trí trung tâm so với đình cũ (tức là vị trí hiện nay). Qua đó cho thấy niên đại ghi trên tấm bia là niên đại dựng lại đình – năm 1851. Cụ Nguyễn Danh Dương (1791-1861), đỗ tú tài năm Tân Ty (1821) được dân làng Hàng Kênh tín nhiệm bầu ra điều hành việc tu dựng lại ngôi đình. Cụ đã đứng lên kêu gọi dân làng đóng góp tiền của, thóc gạo, mua gỗ lim dựng lại đình. Ông thuê 2 hiệp thợ, mỗi hiệp 15 người, do các cụ Nguyễn Đức Nghiệp và Nguyễn Đức Nghiêm để chu Nn bị cho việc dựng lại đình. Những người thợ xưa đã làm theo đúng nguyên mẫu của ngôi đình cũ. Đặc biệt các mảng chạm khắc, trang trí còn lại ở ngôi đình cũ được mang về gắn tại tòa đại đình. Thời gian đầu đình vẫn là tài sản chung của 2 xã Hàng Kênh và Dư Hàng Kênh. Đến năm Tự Đức 19 (1866) Dư Hàng Kênh dựng một ngôi đình khác mô phỏng hoàn toàn theo đình Hàng Kênh, chỉ khác là đình Dư Hàng không có hệ thống ván sàn như đình Hàng Kênh. So với các di tích khác trong nội thành thì diện tích này thật lý tưởng để sử dụng, khai thác phát huy các giá trị của di tích. Có thể nói đình hàng Kênh là một đại đình có qui mô kiến trúc to lớn mà còn gần như nguyên vẹn về kết cấu, cấu kiện kiến trúc. Đình Hàng Kênh là ngôi đình có niên đại cổ xưa đứng thứ 2 của thành phố Hải Phòng, tức là chỉ xếp sau đình Kiền Bái, xã Kiền Bái, huyện Thủy

Nguyên (đình Kiên Bái) xây dựng năm 1685, đình Hàng Kênh xây dựng năm 1718).

3.2.2. Giá trị kiến trúc

Bố cục mặt bằng tổng thể: Từ đường Nguyễn Công Chứ đi vào di tích đình hàng kênh là cổng lớn xây kiểu “nhất môn”, mái công cấu trúc chồng diêm, hai tầng tám mái. Các mái được lợp ngói mũi hài, tạo đao cong nổi cuộn ở bốn góc. Các góc đao trang trí tổ hợp “rồng châu phượng vũ”. Cổng diêm người ta đắp nổi chữ Hán đề tên di tích “Nhân Thọ Đình”. Với ý nghĩa là : “Nhân” là nhân ái, là lòng yêu thương giữa con người với nhau, “Thọ” là sự bền vững lâu dài, “nhân thọ” là tình thương, tình nhân ái giữa người với người sẽ tồn tại mãi mãi với thời gian. Trước trụ cổng trước và sau được đắp nổi câu đối kiểu chữ Hán, có nội dung ca ngợi nơi đình thiêng và sự nghiệp của người anh hùng dân tộc – Ngô Quyền. Qua cổng chúng ta sẽ gặp ngay một hồ nước bán nguyệt rộng lớn, nước hồ trong xanh, dịu mát. Hồ đình nằm thẳng theo đường thân đạo của bờ hồ đối diện chính với hồ là Nghi Môn (cổng đình) gồm: Chính môn, tả môn, hữu môn. “Chính môn” xây kiểu “cột đồng trụ”, đắp chỉ khung các câu đối chữ Hán. Đầu cột trụ đắp theo kiểu đèn lồng, bốn mặt đèn lồng đắp phù điêu Tứ linh (long, ly, qui, phượng). Đỉnh cột trụ có hai con nghê ngồi trong tư thế trầu vào trông như soi dọi con người đến với đất thiêng. Bên phải và bên trái nghi môn cách một đoạn đường là cổng nhỏ: tả môn, hữu môn, kiểu mái 2 tầng, đao cong, tang trí đầu đao cuộn tròn hình vân cụm. Qua nghi môn vào trong sân đình. Nền đình được lát gạch bát tràng truyền thống. Kích thước sân đình gần như vuông, có chiều cạnh bằng kích thước chiều dài tòa đại bái. Xung quanh sân là hệ thống tường xây thấp, kiểu tường hoa. Tường xây bằng gạch thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Bên trái và bên phải đình nằm đối xứng nhau qua sân đình là hai nhà Tả Vu và Hữu Vu (còn gọi là nhà Giải Vũ). Nằm sát tòa đại đình là nhà Văn Từ. Có thể nói các công trình kiến trúc xây dựng trong khuôn viên di tích được đặt dựng, bố trí ở các vị trí rất hợp lí, liên hoàn, có sự gắn kết chặt chẽ, hài hòa với nhau. Các công trình chính hợp với nhau thành hình thế “hổ phù hàm

nguyệt” – hình tượng của ước vọng, hạnh phúc, hòa bình của cư dân trồng lúa nước.

Đình Hàng Kênh có bố cục không gian kiểu chữ “Công” (J), bao gồm các gian : đại đình, ống muống và hậu cung. Những tinh hoa, giá trị về mặt nghệ thuật kiến trúc chủ yếu tập trung ở gian Đại Đình là kiến trúc quan trọng nhất trong toàn thể kiến trúc đình

a. Hệ mái

Nhìn từ phía ngoài và từ trên cao xuống ta thấy ngay hệ mái tòa đại đình được chia làm 4 mái. Hai mái hồi nhỏ hẹp, hai mái trước và sau rất rộng lớn. Nhìn tổng thể mái đình như xà xuống mặt đất. Mái đình được lợp bằng gói vảy rồng (ngói mũi hài loại lớn). Các góc đao mái được tạo dáng cong út như nâng ngói đình bay lên không trung. ở nóc và bờ dải, bờ guột được đắp trang trí hoa chanh – một nét kiến trúc đậm nét Hậu Lê. Đỉnh bờ nóc đắp “lưỡng long châu nguyệt”, thể hiện ước mơ “mưa thuận gió hòa”, cuộc sống no ấm, hạnh phúc của cư dân nông nghiệp lúa nước từ ngàn xưa, thể hiện sự yên bình nơi làng quê. Hai đầu bờ nóc đắp “ hồi long” – rồng quay đầu lại, ngậm bờ nóc. Trên điểm giao nhau giữa bờ dải và bờ guột có đắp hai con lân vuông góc. Một con ở tư thế đứng trên bờ guột trông xuống sân đình, một con ở trong tư thế chuNn bị chạy xuống giữa mái đình, trông rất sinh động. Đường bờ dải, bờ nóc vừa có tác dụng giữ cho mái ngói được chắc chắn, tránh cho ngói bị xô, bị xóc khi gió bão, lại vừa có tác dụng là nơi trang trí cho mái đình thêm sinh động. Bốn góc đao của đại đình đắp tổ hợp các linh vật theo thức đắp tượng tròn với đề tài “ Rồng châu phượng mơn” khá tinh xảo và đẹp mắt. Trên các linh vật còn được trang trí gắn với mảnh gốm cổ nên linh vật trông rất lung linh, huyền ảo.

b. Kết cấu khung

Tòa đại đình có chiều dài 32m, lòng nhà 13,2m. từ cửa vào hậu cung sâu 25,2m. Chiều cao từ thượng lương đến nền đình là 6,5m. Toàn bộ ngôi đình có 65 cột tròn, riêng tòa đại đình có 40 cột. Đó là những cột gỗ lim nguyên cây và được kê trên bệ đá xanh. Cột cái có chu vi là 2m; cao 5,1m; cột quân cao 3,37m; chu vi là 1,5m.

Tòa nhà đại đình là một tòa nhà hình chữ nhật bao gồm 5 gian 2 chái. Việc xây dựng theo số gian lẻ là xuất phát từ quan niệm lâu đời của người Việt. Gian giữa đình Hàng Kênh là gian lòng thuyền(gian không có sàn đình), là gian trọng tâm của tòa đại đình, được lát gạch Bát Tràng. Phần diện tích còn lại của đình đều là hệ thống ván sàn. Sàn cao hơn so với nền đình là 80m, số gỗ làm ván sàn là 20m³.

Đình Hàng Kênh với lịch sử lâu đời đã bảo lưu được hệ thống “ván sàn lòng thuyền”. Xét về mặt công năng sử dụng thì thức kiến trúc này đã tạo ra hai khu vực riêng biệt. Khu vực lòng thuyền dùng để lễ bái, thờ tự. Khu vực ván sàn dùng để hội họp, làm việc của các chức dịch trong làng. Hai khu vực không ảnh hưởng gì đến nhau mặc dù đều ở trong khu vực nội vi của đình. Tòa đại đình hàng kênh được kết cấu theo kiểu biến thể của “ giá chiêng – chông rường – con thuận”. Giữa cột con rường thứ nhất là một đầu vuông trên kê đầu dọc đội thượng lương. Con rường thứ nhất tỳ lực lên con rường thứ hai qua đầu vuông thót đáy, hai đầu rường đỡ đôi hoành thứ nhất. Con rường thứ hai được đỡ bởi một đôi trụ trốn. Trụ trốn đứng trên cột câu đầu qua đầu vuông thót đáy. Từ thân trụ trốn một đôi con thuận vươn ra đỡ đôi hoành thứ ba. Con thuận tỳ lực lên câu đầu qua một đầu vuông thót đáy. Đỡ dạp câu đầu tại gian lòng thuyền là những đầu dư chạm khắc hình đầu rồng ngậm ngọc mang phong cách Hậu Lê. Vì nách tại gian lòng thuyền được liên kết theo kiểu “ cốn chông rường”, các con rường kê trên nhau qua các đầu vuông thót đáy, một đầu rường ăn mộng vào thân cột cái, một đầu đỡ dạp dọc bào soi vỏ măng. Kê hiên là một thân gỗ liền, ăn mộng qua cả cột cái và cột quân. Một đầu kê vươn dài ra đỡ mái hiên. Trên cột kê là ván nong đỡ hoành mái. Thân của kê cũng được chạm khắc, trang trí liền với ván nong, đề tài vân mây, tia lửa. Các xà thượng làm nhiệm vụ đỡ các cột cái, xà trung nối các cột quân. Đỡ dạp xà thượng tại vị trí mỗi cột cái là hệ thống cốn nách chạm khắc hình rồng ngậm ngọc tương tự như ở đầu dư. Từ thân xà trung là hệ thống then câu chốt giữ tàu mái với xà trung. Các then câu này có tác dụng như những thanh giằng để cho mái khỏi bị xô và tạo sự bền vững cho công trình.

c. Thành phần bao che

Hai đầu hồi đại đình được bung kín bằng những tấm ván đồ lụ. Hai mặt trước và sau đại đình là hàng cửa chấn song vuông chạy dài nối tiếp từ hàng cột này đến hàng cột kia. Phần dưới hàng cửa con song đến giáp nền đình là bộ phận ván bung, phía ngoài được chạm bong kênh các đề tài rồng, mây, hoa lá, nét chạm tinh xảo. Dỡ các đầu đao góc mái là những trụ hình “L”, hay còn gọi là “bức chương góc”. Được xây bằng gạch Bát Tràng. N hững trụ này có tác dụng đỡ đầu đao mái và tôn vinh kiến trúc ngôi đình. Mặt trước đại đình, tại gian giữa (gian lòng thuyền) là hệ thống của bức bàn, có một cửa chính và 2 cửa phụ ở hai bên. Vào phía trong, giáp hai bên cửa chính là 2 hàng lan can con song ô vuông. Hàng lan can này cao hơn nền đình khoảng 1,2 m. Trên cột trụ của lan can có chạm khắc các hình rồng. Bộ phận dưới lan can con song cũng chạm rồng hoặc chia từng ô nhỏ chạm hoa sen cách điệu hoặc lân cong mình chạy ngoài đầu lại, cùng các họa tiết miêu tả rong biển, hoa lá đặc trưng vùng biển. Hai chái hồi tòa đại đình đặt ban thờ Tả Ban (thờ mẫu), hữu ban (thờ Nam Tào, Bắc Đẩu). Trước hai gian thờ đó là hệ thống chấp kích, đồ thờ quý cùng bài vị của vị thần được thờ.

d. Tòa ống muống

Gian nối giữa đại đình và hậu cung, hai bên tòa ống muống là những vách ngăn kiểu ván đồ lụ, nền được lát gạch như ở gian lòng thuyền tòa đại đình. Chỉ có phần lối đi vào hậu cung giáp tường ngăn là có ván sàn gỗ. Kết cấu vì kèo tòa ống muống cũng tương tự kết cấu vì kèo tòa đại đình. Tòa ống muống hiện còn bức đại tự lớn “N hân Thọ Đình” như xác định tên gọi chính thức của ngôi đình. Tại đây cũng có một khám gỗ, trong đặt bài vị thờ N gô Quyền. N gày thường dân làng thờ cúng N gô Quyền trước khám ở tòa ống muống coi như hình thức “Lễ vọng”.

e. Hậu cung: Bộ vì kèo tòa hậu cung kết cấu theo kiểu “chồng rường”, vì nách kết cấu theo kiểu “chồng rường trụ trốn” và không trang trí. Xung quanh hậu cung được bung kín bằng những ván gỗ. Chính giữa hậu cung đặt một sập gỗ, trên sập là khám thờ, tượng N gô Quyền đặt trong khám. N ngoài ra trước khám thờ còn đặt nhiều đồ vật

quý: chấp kích, tượng hạc, tượng phượng bằng đồng...Hậu cung là khu vực linh thiêng nhất của ngôi đình và được coi là “nguồn thiêng” của ngôi đình.

3.2.3 Nghệ thuật điêu khắc, trang trí

Trang trí, điêu khắc ở đình Hàng Kênh đã đạt đến độ chau chuốt, tinh xảo, phản ánh được phong cách, nghệ thuật đương thời. Qua các mảng chạm khắc còn lại ở đình, ngoài một số mảng chạm mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (bức cửa võng), còn lại phần lớn những mảng chạm thể hiện nghệ thuật thời Hậu Lê. Đề tài chủ đạo trong các trang trí, kiến trúc ở đây chủ yếu là đề tài Rồng. Rồng ở đây cũng mang hai phong cách cơ bản: phong cách nghệ thuật Hậu Lê (thế kỷ XVIII) và phong cách nghệ thuật Nguyễn (thế kỷ XIX). Ngoài đề tài rồng, các đề tài lân, phượng, hoa sen, vân mây, sóng nước rất phong phú, sinh động.

3.2.4 Lễ hội

Theo như lời kể của người dân địa phương và qua một số tài liệu nghiên cứu trước đây ta có thể tìm hiểu được một phần lễ hội truyền thống ở đây. Hàng năm, làng Hàng Kênh có ba lễ hội lớn: lễ rước sắc (23/12), lễ kỵ (giỗ Ngô Quyền – 16 tháng 2 âm lịch) và lễ kỉ phước (chọn 1 trong 5 ngày từ 10 đến 15 tháng 2 âm lịch) Trước kháng chiến chống Pháp (1945), Hàng Kênh nằm trong tổng Đông Khê, gồm 5 thôn : Đông Khê, Hàng Kênh, Phụng Pháp, Dư Hàng và NamPháp. Cả 5 thôn này đều thờ Ngô Quyền và có chung một sắc phong. Mỗi năm, mỗi thôn rước sắc về đình làng mình và 5 năm thì hết một vòng. Ở đình Hàng Kênh, ngày tổ chức rước sắc là ngày 23 tháng 12 âm lịch. Hàng năm, lễ kỉ phước diễn ra vào mùa xuân – mùa sinh sôi nảy nở của vạn vật. Với một mong ước cầu cho “ nhân khang, vật thịnh”, mùa màng bội thu. Khác với lễ kỉ phước, lễ kỵ để tưởng nhớ một vị anh hùng dân tộc có công với dân, với nước và là lễ hội chính của đình làng Hàng Kênh. Ngày 16 tháng giêng là ngày thần kỵ hay là ngày thần hoá của vị thành hoàng – Đức Ngô Vương Quyền.

a. Chuẩn bị lễ hội:

Việc chuẩn bị cho lễ hội là một khâu rất quan trọng. Ngay từ đầu năm, các quan viên, chức sắc trong làng xã đã tổ chức họp bàn và cất cử người cai đám, tế

đám, đầu phe. Ngày xưa làng Hàng Kênh chia theo các giáp, mỗi năm, các giáp trong làng phải cử ra một người đại diện để đăng cai việc tổ chức, phục vụ ngày lễ hội. Người cai đám được dân làng chia ruộng để cày cấy. Hoa màu thu được từ ruộng hậu dùng để phục vụ cho việc tế lễ trong dịp hội hè, đình đám. Người cai đám phải đáp ứng được những điều kiện như: Là người làng, tổ tiên phải sống ở đây ít nhất ba đời, là người già cả, được dân làng kính trọng, gia đình hạnh phúc, con cháu ngoan thảo, không có tang ma. Trong thời gian chuẩn bị lễ hội, cai đám phải tránh gần vợ. Người cai đám có nhiệm vụ lo chu tất việc cúng tế thần, trong thời gian diễn ra lễ hội phải luôn có mặt ở nơi thờ tự. Ngoài ‘cai đám’ , làng còn cử ra 5 người “đầu phe” và 5 người “tế đám”. Người “đầu phe” có nhiệm vụ phục vụ ăn uống cho các quan viên ngày đêm túc trực, tế lễ ở đình, tổ chức chia phần cho dân đình và chức dịch, lo lễ vật dâng cúng thần, quản lý các dụng cụ rước thần như: võng lọng, cờ, kiệu... Mỗi người “tế đám” được cấp 2-3 mẫu ruộng, hàng năm phải lo lễ vật phục vụ lễ hội như: bánh chưng, bánh dày, bánh giò, mâm ngũ quả... Trước ngày lễ hội, mọi vật dâng cúng phải được chuNn bị chu đáo. Đồ tế khí phải được đem lau chùi sạch sẽ, bài trí ngay ngắn. Khuôn viên được dọn dẹp, sửa soạn gọn gàng, đẹp mắt. Gần đến ngày lễ, quan viên, chức dịch cùng các vị cao niên trong làng họp bàn việc tổ chức, phân công, cắt cử công việc cụ thể cho từng người. Nhà nhà, người người nô nức đón ngày hội, khắp làng xã tung bừng chuẩn bị ngày hội.

b. Các trò chơi dân gian trong Lễ hội đình Hàng Kênh

- Đấu vật

Các buổi chiều khoảng 14h thường tổ chức đấu vật, người làng vật trước rồi mới đến người ngoài. Đô vật đóng khổ xanh và đỏ, buộc một dải băng vải bên tr.n kiểu dây thùng to để giắt khổ cho đẹp. Trước khi vật đôi đô vật vái thần 4 lần rồi bắt đầu vào xới vật, bắt đầu vờn nhau t.m miếng vật. Lệ vật ở đây là: đô vật nào nhấc bổng lên hoặc nằm ngửa là thua, đô vật nào giữ giải trong ngày ngòì có lọng che. Ngày cuối cùng trung kết các đô vật nhất của 3 ngày vật với nhau.

- Chơi cờ người

Bàn cờ được chia làm 1 bên nam và một bên nữ, đều chưa vợ, chưa chồng “quân cờ người” như thế thường chọn con nhà khá giả trong làng để mang quần áo đẹp. Người làm trọng tài có bàn cờ con bên trong theo dõi.

- *Hát đúm*

Là một cuộc hát mà trong đó hai bên trai gái, mỗi bên dăm ba người, tự nguyện gặp gỡ nhau, bày tỏ tình cảm nồng thắm, thi tài, khoe sắc. Trình tự cuộc hát đúm thật khó nói chính xác được, nhưng về căn bản là có 3 giai đoạn: hát vào cuộc (hát dạm), hát thi thố tài năng trong cuộc. Trước khi vào cuộc, người ta hát dệp dậm để giữ gìn trật tự cuộc vui:

*“Ở đây dạm hội cũng đông
Sao đứng lẫn lộn đàn ông, đàn bà
Muốn vui thì dệp dậm ra
Đàn ông một chốn, đàn bà một nơi”*

Sau khi ổn định trật tự rồi người ta mới hát vào cuộc, trai gái trong cuộc hát mừng nhau thật chân tình

*“ Gặp nhau mừng tuổi cho nhau
Mừng câu hội ngộ, mừng câu tính t.nh
Mừng tuổi tuổi lại thêm xuân
Tuổi ta phú quý, tuổi mình vinh hoa”*

Ngày hội đình làng Hàng Kênh không thể thiếu những cuộc hát đúm. Từng lời hát, từng câu ca như hoà quyện với không khí linh thiêng, không khí náo nức, vui mừng của ngày hội. Qua mỗi lời hát ta thấy được sắc thái tình cảm của con người nơi đây- tình cảm tự hào, thành kính, biết ơn vị thành hoàng có công đánh giặc, cứu nước, giúp dân, tình yêu quê hương, đất nước, tình cảm cộng đồng, làng xã, lòng mến khách của con người Hàng Kênh.

3.2.5 Giá trị của lễ hội đình làng Hàng Kênh

Lễ hội là một nét đẹp trong sinh hoạt làng xã xưa, đây cũng chính là nơi cố kết cộng đồng làng xã. Hàng năm, cứ đến ngày hội là con cháu làng Hàng Kênh dù đi đâu, làm gì, hay ở đâu cũng luôn hướng về ngày hội, mong muốn được trở về quê hương vui hội. Ngoài ra lễ hội đình Hàng Kênh còn có sức hút lớn với du khách thập phương bởi những giá trị lịch sử, văn hoá mà ngôi đình gần 300 năm tuổi chứa đựng. Mỗi dịp lễ hội diễn ra mọi người đều nô nức chuẩn bị đón hội, ai cũng làm thật tốt và chu đáo phần việc được giao. Ngày hội là dịp dân làng Hàng Kênh biểu thị sức mạnh, tình đoàn kết cộng đồng làng xã, thể hiện mối quan hệ ứng xử, giao tiếp tốt đẹp: người người, người - cộng đồng, cộng đồng - người. Với cộng đồng, ngày hội là dịp thuận tiện để tập hợp mọi người có chung một khu vực sống cùng nhau chuẩn bị hội, vui hội. Với mỗi cá nhân thì hội là dịp để “cái tôi” hoà nhập với “cái ta chung”, con người nương tựa vào cộng đồng, sống có trách nhiệm với cộng đồng, tăng thêm sự “có kết cộng đồng, làng xã”. Lễ hội là dịp con người hướng về cội nguồn. Lễ hội nhắc nhở mỗi thành viên tham gia, thức về đồng loại, bày tỏ lòng thành kính, trang nghiêm, tưởng nhớ về những người có công với dân, với nước. Lễ hội đình Hàng Kênh đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục cho các thế hệ dân làng về giá trị hiện thân của ngôi đình. Thành hoàng Ngô Quyền mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ sau noi gương, tiếp nối tinh thần anh dũng, kiên cường, khí phách anh hùng của ngài. Hướng về cội nguồn, là hướng về những giá trị văn hoá cao đẹp, quý báu của dân tộc. Để mỗi người ứng xử văn hoá hơn, bảo lưu và kế thừa bản sắc văn hoá truyền thống cho muôn đời sau, xứng đáng với cha ông đi trước

“ Uống nước nhớ nguồn

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

Lễ hội giúp cân bằng đời sống tâm linh, lễ hội là dịp biểu hiện lòng tôn kính của con người trước thần linh, lực lượng siêu nhiên nói chung, thành hoàng làng được thờ nói riêng, những nghi thức diễn ra ở phần lễ là hình thức con người đề đạt những nguyện vọng, mong ước của mình trước thần thánh, giúp cân bằng đời sống

tâm linh ở mỗi con người. Lễ hội đình làng Hàng Kênh mở ra một không gian văn hoá trang trọng, linh thiêng, đậm màu sắc dân tộc Việt, mở ra không khí tung bừng với nhiều trò chơi, cuộc hát. Đưa mọi người xích lại gần nhau, hoà nhập với cộng đồng làng xã, sống cởi mở, vui vẻ hơn, bao nhiêu nhọc nhằn, vất vả của cuộc sống như được xua tan, nhờ đó mà đời sống tình cảm thêm phong phú, cân bằng. Lễ hội là môi trường để con người sáng tạo và hưởng thụ văn hoá. Bên cạnh phần lễ trang nghiêm, hội làng Hàng Kênh c.n có hội đám: hát ả đào, chèo sân đình, múa hạc gõ,...cùng với các trò chơi: đấu vật, chơi cờ người,...diễn ra rất nhộn nhịp trước sân đình. Con người tham gia vào lễ hội không chỉ thưởng thức mà còn cùng nhau tranh tài, thi thố tài năng qua các cuộc chơi, cuộc hát. Lễ hội là môi trường con người thực sự là m.nh, phát huy tài năng, vui chơi hết mình. Tham gia vào lễ hội, bằng khả năng, sự khéo léo của mình mỗi người tham dự chính là một chủ thể sáng tạo văn hoá và hưởng thụ những giá trị văn hoá chứa đựng trong lễ hội. Lễ hội có giá trị bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Lễ hội tung bừng, náo nhiệt làm cho cuộc sống làng quê – “Bảo tàng sống” được thức tỉnh. Lễ hội đình Hàng Kênh là môi trường bảo tồn những giá trị lịch sử văn hoá nghệ thuật của cộng đồng. Những nét đẹp văn hoá đó được bồi đắp, phát huy và lưu truyền mãi mãi cho muôn đời sau. Lễ hội là di sản quý giá, vì thế mà lễ hội không bị mất đi mà càng nhân rộng, phát triển về hình thức và nội dung. Chính những giá trị mà lễ hội chứa đựng để làm nên sức hút, sức hấp dẫn với đông đảo mọi người dự hội, vui hội.

3.2.6. Công tác quản lý và bảo tồn di tích

Đình Hàng Kênh là một ngôi đình cổ, được xây dựng cách đây gần 300 năm, có giá trị to lớn về lịch sử, văn hoá, kiến trúc, điêu khắc. Từ sau hoà b.nh đến nay, đình Hàng Kênh đã được quan tâm tu sửa nên hiện trạng của đình còn khá tốt. Đợt tu sửa lớn nhất trong thời gian qua là vào năm 1989, với kinh phí hỗ trợ của nhà nước là 2 tỷ đồng. Trong đợt tu sửa này, ban quản lý di tích đình cho xây dựng lại trụ biểu, cổng đình, tu sửa lại hồ nước trước mặt, thay thế bộ phận hư hỏng trong kiến trúc khiến cho ngôi đình khang trang hơn nhưng vẫn không mất đi dáng vẻ ban đầu. Tuy nhiên, do sự tác động của tự nhiên, môi trường, yếu tố tuổi thọ của

vật liệu gỗ khiến cho ngôi đình bị xuống cấp nghiêm trọng: Mái đình bị hư hỏng, gãy dột, một số cột bị mối mọt, mục, hệ thống ván sàn bị hỏng nặng, sân tiền sảnh chật hẹp, không đáp ứng được yêu cầu sử dụng trong lễ hội, công trình vệ sinh không còn phù hợp với thời nay. Vì vậy việc tu bổ, tôn tạo để bảo lưu, giữ gìn công trình kiến trúc quý báu này là vô cùng cấp bách. Đây cũng là vấn đề nóng bỏng, thu hút sự quan tâm của các cấp, các ngành thành phố, địa phương, khách du lịch và đông đảo quần chúng nhân dân.

Nhận thức được giá trị to lớn của di tích lịch sử văn hoá đình Hàng Kênh, với sự quan tâm, đầu tư kinh phí của Bộ Văn Hoá thể thao du lịch, sự phối hợp thực hiện của Sở Du Lịch Hải Phòng với chính quyền địa phương, sự đồng lòng đóng góp sức người, sức của của nhân dân Hàng Kênh, Đình Hàng Kênh đã được tu bổ, tôn tạo với tổng kinh phí đầu tư là 12 tỷ đồng. Đây là lần trùng tu lớn nhất gần đây. Ngày 05/11/2005 dự án “Trùng tu tôn tạo đình Hàng Kênh” được khởi công và đến ngày 13/05/2007(ngày kỉ niệm giải phóng thành phố Hải Phòng) dự án được hoàn thành. Với mục tiêu: “ *Giữ gốc, phát triển độ bền, bảo tồn di sản, phục vụ cho hoạt động du lịch*”

3.3. Di tích Đình Đông Khê

3.3.1. Lịch sử hình thành

Vào thế kỷ thứ 10, Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng cổ sự tham gia của cư dân Gia Viên, Lạc Viên, Đông Khê và nhiều làng xã ven vùng đồng bằng hạ lưu sông Cấm. Về sau Ngô Vương Quyền mất ở Cổ Loa, các làng xã kể trên đều lập đền thờ vị anh hùng dân tộc, ông tổ Trung Hưng trong cõi tâm linh của người dân đất Việt. Tương truyền, khu vườn Quyển thuộc làng cũ Đông Khê chính là nơi Ngô Quyền yết bảng, cầu hiền tài luyện tập quân sĩ, chuẩn bị cho chiến trận Bạch Đằng.

Làng Đông Khê ngày ấy đã dựng cây cầu gỗ nhỏ nối liền làng xóm với đồn binh của Ngô Quyền cây cầu có tên gọi là Cầu Gù. Khi Ngô Vương qua đời, dân làng tôn vinh Người làm phúc thần, tạc tượng tại miếu Chè. Về sau, đình làng được tạo dựng, cư dân Đông Khê rước nghi vệ thành hoàng về thờ tại ngôi đình

hiện nay. Qua nội dung tấm bia hậu thân và dòng chữ Hán khắc trên xà nóc cho biết: Đình Đông Khê được trùng tu vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836), người làng đứng chữ hưng công. Năm 1902, dân làng đã đóng góp công sức tu tạo lại đình, lần tu sửa này còn lưu lại họ tên người công đức khắc ở số cây cột đình. Dòng chữ Hán khắc chìm trên xà nóc hoàng triều. Thành Thái tuế thứ Giáp Thìn niên. Nghĩa là, di tích được trùng tu vào năm Giáp Thìn (tức năm 1902).

3.3.2. Giá trị kiến trúc

Đình Đông Khê là một công trình kiến trúc đồ sộ, có bố cục kiến trúc kiểu chữ đình gồm 7 gian tiền đường, 3 gian cung cấm. Tại kết cấu bộ khung gỗ, mang phong cách nghệ thuật thế kỷ 17, 18, do những người nghệ nhân xưa thiết kế mẫu từ ngôi đình cổ của làng. Trong đình còn lưu giữ nhiều cổ vật có giá trị đình tồn tại giữa lòng dân đất Cảng tôn vinh sự nghiệp vẻ vang của Ngô Quyền ngay tại vùng đất mà ông đã lập chiến công.

Đình Đông Khê dựng ở giáp tây xã Đông Khê, hiện ở trục đường Đông Khê, quận Ngô Quyền. Làng vốn có hai đình, nhưng một đã bị hỏng trong chiến tranh phá hoại, nay chỉ còn một đình thờ Ngô Vương thiên tử, anh hùng của dân tộc. Đình Đông Khê hiện chỉ còn tòa đại đình làm theo chữ “đình”, phong cách kiến trúc triều Nguyễn. Theo các cụ già làng, đình được trùng tu tạo lớn thời Kiến Phúc nhà Nguyễn do Trần Thê Nho người làng, làm quan đến chức Án sát sứ tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh đứng lên hưng công. Ông được tôn làm hậu thân, hiện có ban thờ phối hưởng ở gian bên trái đình. Mặc dù trải qua nhiều biến cố, nhưng tòa đại đình bằng gỗ lim còn khá vững chãi, các mảng khắc trang trí đẹp vẫn còn. Chỉ có tường bao, giải vũ, đồng trụ bị đổ nát. Ngày nay người dân địa phương mới phục hồi tường bao, hai đồng trụ nhưng lại đem câu đối chùa ghép vào. Đồ thờ tự hương án, long đình, bát bửu, câu đối, hoành phi... đã được sửa chữa, sơn thiếp lại.

4. Đánh giá chung về thực trạng du lịch tại các di tích thờ Ngô Quyền

4.1. Nguồn khách

Nguồn khách trên bao gồm các khách du lịch nước ngoài và khách du lịch nội địa. Nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học sinh viên các trường đại học, học sinh phổ thông trong và ngoài thành phố cũng có nhu cầu tới các điểm di tích để tham quan, nhưng mục đích chính là tìm hiểu và nghiên cứu. Thường đối tượng này ít lưu trú qua đêm, trừ trường hợp họ là người tỉnh xa về. Khách du lịch quốc tế đến các di tích này thường là với mục đích tìm hiểu tập quán của nhân dân ta thông qua các hoạt động lễ hội tại di tích, mặt khác họ có mục đích nghiên cứu lịch sử, kiến trúc và mỹ thuật tại các di tích.

Ngoài khách đến di tích là người địa phương ra thì nguồn khách tham quan chỉ yếu là đến tham quan chốc lát, không để lại được nhiều ấn tượng.

4.2. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ du lịch

4.2.1. Hệ thống điện

Hiện tại trên địa bàn thành phố mạng lưới điện được cải thiện đáng kể. Đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp điện cho các đơn vị, doanh nghiệp và các hộ dân. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại : Mạng lưới điện ở một số nơi quá cũ, sử dụng chủ yếu là dây điện truyền dẫn trên không, vẫn xảy ra tình trạng kéo mắc điện tùy tiện, dẫn đến tình trạng cung cấp điện không đảm bảo an toàn và ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Hệ thống điện thấp sáng trong di tích còn hạn chế, chưa có hệ thống chiếu sáng chuyên ngành để làm tăng thêm sự bề thế của các di tích.

4.2.2. Hệ thống giao thông

Giao thông trên địa bàn thành phố khá thuận tiện, Thành phố chủ trương xây dựng các tuyến đường trọng điểm phục vụ cho giao thông đi lại cũng như thuận tiện phát triển hoạt động du lịch. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại: một số tuyến đường trục chính không có vỉa hè hoặc có vỉa hè nhưng mặt cắt hẹp, không đủ để phục vụ giao thông cho người đi bộ và bố trí các công trình kỹ thuật khác, một số ngõ chật hẹp, không đảm bảo điều kiện đi lại cho nhân dân. Đoạn đường vào di tích còn nhỏ hẹp,

chật chội, bị nhiều hàng quán lấn chiếm, gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị

4.2.3. Cơ sở lưu trú và phục vụ ăn uống

Nhu cầu giải trí, ăn uống là nhu cầu không thể thiếu được của mỗi người khi đi du lịch. N hững cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống ra đời đáp ứng nhu cầu và tạo ấn tượng ban đầu trong lòng mỗi du khách. Nhìn chung các khách sạn, nhà hàng đã đáp ứng được phần nào nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống của du khách. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế : Quanh các điểm di tích không có hoặc rất ít xuất hiện các cơ sở phục vụ ăn uống hoặc các quầy lưu niệm. Hoặc là có thì cũng cách xa khu di tích không thuận tiện cho việc sử dụng Điều này vô cùng đáng tiếc vì sẽ không tạo được ấn tượng cho du khách, không tạo cho khách cơ hội tiêu tiền. Các cơ sở lưu trú ở khu vực gần các di tích hầu như còn nhỏ lẻ. Tiện nghi nghèo nàn, không đồng bộ...chủ yếu phục vụ dân địa phương hoặc khách đi lẻ.

4.2.4. Cơ sở vui chơi giải trí

Kinh tế ngày càng phát triển, đời sống của người dân từng bước được nâng cao. Nhu cầu vui chơi, giải trí trở thành một nhu cầu thiết yếu của mỗi người, đặc biệt là trong những chuyến du lịch. Bởi vậy, các khu vui chơi, giải trí là yếu tố tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn mạnh mẽ với khách du lịch. Điểm hạn chế lớn nhất ở hầu hết các di tích là không có khu vực đón tiếp khách để khách có cơ hội tìm hiểu di tích cũng như thưởng thức các chương trình văn nghệ tại đây. Ngay tại các di tích chưa tổ chức được các chương trình văn nghệ, trò chơi dân gian tái hiện lại lễ hội của di tích kích thích nhu cầu vui chơi giải trí của khách. Nên phần lớn các chuyến tham quan còn tẻ nhạt, chưa thu hút được khách du lịch.

4.3. Hoạt động du lịch tại chỗ

Du khách đến với các di tích lịch sử của Hải Phòng song đông nhất vẫn là vào dịp lễ hội. Đối với di tích Từ Lương Xâm, Đình Hàng Kênh... du khách đến tập trung nhiều nhất là vào hai tháng đầu năm. Chính vì vậy, hoạt động của các dịch vụ tại chỗ diễn ra sôi nổi vào những dịp lễ hội. Dịch vụ ăn uống chủ yếu thường là bán đồ ăn nhẹ, các món ăn dân dã của địa phương để phục vụ quý khách. Các quán

này chủ yếu chỉ bán các món ăn địa phương như: bánh đa, hay món quà theo mùa như bát sen, hạt sen.... Do cơ cấu thời gian, đa phần du khách đến đây đều đi về trong ngày. Họ thường mua lễ mọn mang theo, lễ xong họ ăn luôn. Do vậy tuy lượng khách đến nhiều nhưng nhu cầu ăn uống không đáng kể. Những nhà hàng ở đây do tư nhân đứng ra mở. Họ kết hợp kinh doanh ăn uống và bán đồ lễ. Chất lượng món ăn tại những quán này còn thấp, vệ sinh chưa đảm bảo, chất lượng phục vụ kém. Quy mô nhà hàng nhỏ, giá cả giữa các nhà hàng chênh lệch nhau khá nhiều và phụ thuộc vào khả năng mặc cả của du khách. Nguyên nhân của những hạn chế này là phần lớn dịch vụ được mở tự do, không có sự quản lý của chính quyền địa phương. Mặt khác, hoạt động du lịch lại không mang tính mùa vụ, không liên tục. Ngoài dịch vụ ăn uống là dịch vụ bán đồ lễ, đồ lưu niệm. Hiện chỉ có vài di tích đông du khách là có dịch vụ này. Dịch vụ bán đồ lễ gồm hương hoa phẩm quả, vàng mã tiền âm phủ, xôi gà...bung ra tại một số di tích. Do không có sự quản lý của chính quyền địa phương nên nhiều hiện tượng tiêu cực đã xảy ra. Một nguyên nhân khác là từ phía du khách. Họ đến các điểm di tích do nhu cầu tâm linh nên không muốn mặc cả, ngã giá. Mặt khác quà tặng và đồ lưu niệm đối với các điểm di tích hiện vẫn còn để trống. Tạo các điểm này chưa có những mặt hàng đặc sắc mang bản sắc riêng của vùng để phục vụ nhu cầu du khách. Loại hình kinh doanh này chưa được khai thác một cách có hiệu quả.

4.4. Nguồn nhân lực

Trong bất cứ một ngành kinh tế nào thì yếu tố con người luôn đóng một vai trò, vị trí quan trọng, quyết định sự phát triển. Đặc biệt, trong lĩnh vực du lịch, càng yêu cầu cao hơn về nguồn nhân lực. Tại các điểm di tích đều có đội ngũ ban quản lý di tích do cơ quan có thẩm quyền quản lý bên cạnh đó là các cán bộ phụ trách trông nom và quản lý ngay tại các di tích. Tuy nhiên, vấn đề cấp bách ở đây là: tại các điểm di tích thì đều chưa có HDV điểm, giới thiệu cho du khách về giá trị văn hoá độc đáo của di tích. Chủ yếu khách đi theo tour của công ty lữ hành và HDV của công ty kiêm luôn HDV điểm. Những HDV này còn hạn chế về hiểu biết

những giá trị quan trọng của di sản di tích, yếu kém về kiến thức lịch sử, văn hoá nên chưa lột tả được giá trị hiện thân của di tích

4.5. Quảng bá, xúc tiến du lịch

Quá trình xúc tiến quảng bá hình ảnh sản phẩm nói chung và hình ảnh của “Sản phẩm văn hoá” nói riêng là một quá trình phức tạp và lâu dài. Nhưng hiệu quả mà hoạt động này mang lại là vô cùng to lớn. Thực trạng quảng bá, xúc tiến du lịch tại các di tích còn bị hạn chế:

- Chưa thiết kế được một số tập gấp nhằm cung cấp hình ảnh và một số thông tin về di tích cho du khách.

- Tại di tích chưa có một bảng tóm tắt về lịch sử ngôi đình, quá trình hình thành xây dựng và bảo tồn. Đây là một yếu tố quan trọng giúp cho khách có hiểu biết sơ lược về di tích mà mình tham quan.

- Những thông tin quảng cáo trên các web du lịch hay trên truyền hình còn ít, chưa tạo được ấn tượng trong lòng du khách.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của địa phương còn hạn hẹp. những thông tin cung cấp nhiều khi chưa đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của du khách.

- Hình ảnh các điểm du lịch còn mờ nhạt trong lòng du khách, các hoạt động lễ hội chỉ diễn ra vào 1 thời điểm nên mang tính mùa vụ, khi khách đến du lịch không có cơ hội tham gia vào các hoạt động của điểm tham quan làm cho chuyến tham quan trở lên kém hấp dẫn.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI MỘT SỐ DI TÍCH THỜ NGŌ QUYỀN Ở HẢI PHÒNG

1. Giải pháp chung cho sự phát triển du lịch tại các di tích lịch sử của thành phố

Xây dựng bộ máy tổ chức, có chương trình hành động, có sự kết hợp của nhiều cấp, nhiều ngành tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch về văn hóa truyền thống. Tiến hành các biện pháp bảo vệ di tích, chống vi phạm đất đai, cảnh quan môi trường, bảo vệ tốt cổ vật trong di tích. Thường xuyên tu bổ tôn tạo chống xuống cấp di tích. Quá trình tu bổ cần tôn trọng tính nguyên gốc của di tích. Tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ di sản văn hóa và tạo điều kiện cho phát triển du lịch.

Tổ chức nghiên cứu và đánh giá nguồn tài nguyên du lịch về di sản văn hóa, xem xét các điều kiện về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các nguồn nhân lực và nguồn khách có nhu cầu. Từ đó vạch ra các chiến lược trước mắt cũng như lâu dài. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, sưu tầm tư liệu hiện vật của từng di tích cụ thể để phục vụ cho du lịch. Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên thành thạo về di sản văn hóa ở Hải Phòng, có khả năng tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn khách tham qua du lịch.

Xây dựng kế hoạch khôi phục một số lễ hội và làng nghề truyền thống; lựa chọn một số làng cổ của một số địa phương, có định hướng bảo tồn để giới thiệu phục vụ du lịch. Hoàn chỉnh mạng lưới giao thông tới các di tích trong lịch trình; cấm biển giao thông chỉ dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, tránh mất thời gian do chưa tìm thấy đường đi đúng. Có kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển du lịch.

Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của du khách, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn du lịch đi lại được thuận tiện, tránh hiện tượng chèo kéo khách. Ngoài thế mạnh du lịch biển được biết đến, Hải Phòng sở hữu hệ thống chùa đình, miếu với giá trị văn hóa, kiến trúc lâu đời, là điều kiện thuận lợi nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch tâm linh, du lịch sinh

thái, các tua du lịch quen thuộc thường xuyên được khai thác như : tuyến du lịch khảo đồng quê, du lịch nội thành, du lịch cộng đồng đều gắn liền với những điểm đến đình, chùa, miếu như: chùa đình, đền, miếu, đình Hàng Kênh, Từ Lương Xâm, chùa Nhân Mục(Vĩnh Bảo)...Không chỉ với những người trung niên hoặc cao tuổi du lịch tự túc đến các chùa đình văn cảnh, ngôi thiền nghe giảng đạo, thưởng thức cơm chay... cũng thu hút khá nhiều du khách trẻ, loại hình du lịch tự phát này tiết kiệm chi phí và thực sự bổ ích được tổ chức vào các tuần rằm, mùng một âm lịch hoặc kết hợp với các dịp lễ hội của các đình chùa. Những chuyến đi như vậy chi phí không đáng kể nhưng giải tỏa được sức ép công việc cuộc sống, đem lại những phút thư thái, tĩnh tâm. Điều này cần thiết cho cả những người trẻ tuổi để lấy lại cân bằng trong cuộc sống.

Nhiều công ty lữ hành Hải Phòng từng có ý tưởng kết hợp với thành hội Phật giáo, đưa du khách tới những điểm mang tính thư giãn, gần gũi với thiên nhiên, đầu tư xây dựng những chương trình du lịch tâm lý, du lịch tâm linh. Ngoài việc tham quan các điểm du lịch như chùa chiền, vùng sông nước yên tĩnh, du khách được chuyên gia tư vấn về các loại bệnh, sinh lý người cao tuổi, trao đổi các vấn đề của cuộc sống, tập yoga.. Tuy nhiên, do lượng khách đến tham quan tại Hải Phòng còn hạn chế, du lịch khách quốc tế chỉ chọn nội thành làm điểm trung chuyển cho các tua du lịch biển Cát Bà, Đồ Sơn, Hạ Long, Ninh Bình... nên các doanh nghiệp còn “ e dè ” khi đưa hình thức du lịch này vào “ chào bán” để thu hút khách.

Du lịch tâm linh là loại hình du lịch của tương lai bởi sự thân thiện với môi trường và mang lại cho du khách những giá trị tinh thần, sự thư giãn thanh tịnh từ sâu thẳm tiềm thức trong nhịp sống hối hả và ồn ã. Hải Phòng là nơi có tiềm năng khai thác và phát triển loại hình du lịch này hướng vào mọi đối tượng du khách trong và ngoài thành phố. Bằng cách xây dựng các tua du lịch giá rẻ, kết hợp với việc nâng cấp những tour, tuyến sẵn như: du khảo đồng quê,.. tạo thành nhiều điểm hấp dẫn, khai thác các giá trị văn hóa , kiến trúc của hệ thống đình chùa, miếu, trong thành phố để phát triển du lịch tâm linh là hướng đi hứa hẹn tạo diện mạo mới cho du lịch Hải Phòng.

Gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc là điều kiện quan trọng để du lịch phát triển bền vững. Do vậy, trong nhiều năm qua, Hải Phòng vẫn luôn giành những chính sách ưu tiên cho sự nghiệp bảo tồn những di sản văn hóa quý giá. Đồng thời khuyến khích ngành du lịch phối hợp đồng bộ, khai thác để tạo ra sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Nhưng điều đó có thể là chưa đủ trước những thách thức mới đang nảy sinh cần có sự chung tay góp sức của nhiều cấp, nhiều ngành và địa phương có di sản. Điều đó sẽ tạo ra những cơ hội tốt hơn để du lịch vừa phát triển bền vững vừa bảo vệ được di sản văn hóa.

2. Giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch tại các di tích thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng

2.1. Bảo tồn cảnh quan, kiến trúc

2.1.1. Đối với cảnh quan, môi trường

Quá trình tu tạo các di tích đã được Bộ văn hoá thể thao du lịch đầu tư kinh phí đã đạt được những thành công ban đầu. Hoàn thành mục tiêu “Giữ gốc, phát triển độ bền, bảo tồn di sản, phục vụ cho phát triển du lịch”. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạng mục chưa được thực hiện do kinh phí hạn hẹp.

2.1.2. Hệ thống điện chiếu sáng tại di tích

Cần được đầu tư hệ thống điện chiếu sáng “chuyên ngành”. Đó là hệ thống điện ngoài trời đặt trong những lồng đèn, mang mô típ lồng đèn truyền thống. Thiết kế những cột chìm dưới đất để đèn có thể phát sáng xung quanh, tạo ra một không gian lung linh, huyền ảo được hình thành bởi luồng ánh sáng sâu thẳm. Ánh sáng trong đêm làm cho di tích thêm toả sáng, bề thế và lộng lẫy hơn.

2.1.3. Hệ thống cây xanh

Hiện nay hệ thống cây xanh trong các di tích khá xanh tốt, phong phú. với nhiều loại cây bóng mát, ăn quả, cây cảnh...Nhưng chưa được qui hoạch đồng bộ theo trật tự. Vậy nên công việc đặt ra bây giờ là: cần một sự đầu tư cho việc qui hoạch lại khuôn viên cây xanh trong di tích, tạo nên sự hài hoà giữa nét cổ kính bề thế của ngôi đình với sự sinh động của cỏ cây, hoa lá:

+ Sắp xếp, sửa sang lại những cây cảnh đã có từ trước

- + Thiết kế thêm những bồn hoa cây cảnh xung quanh đình
- + Trồng thêm một số cây bóng mát

2.1.4 Kiến trúc

Nghiên cứu một cách công phu kỹ thuật chế tạo vật liệu, công nghệ xây dựng của người xưa để có những giải pháp trùng tu, tôn tạo cho phù hợp. Khảo sát, đánh giá đúng thực trạng của di tích để lập những “Dự án trùng tu” nhanh chóng, kịp thời. Tránh trường hợp di tích bị xuống cấp nghiêm trọng mới tiến hành trùng tu. Gắn việc tu bổ di tích với việc xác định rõ ranh giới, khoanh vùng bảo vệ di tích, tiến hành giải toả các khu dân cư đang nằm trong hành lang bảo vệ di tích. Đây nhanh việc “Xã hội hoá” việc bảo tồn di tích. Bởi lẽ đây là tài sản quý giá của ông cha để lại cho muôn đời sau. Đồng thời nâng cao ý thức của người dân về tầm quan trọng của công tác bảo tồn di tích, phục vụ cho phát triển du lịch

2.2. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch

2.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Các cơ sở lưu trú, ăn uống cần tăng cường, nâng cấp các khách sạn, nhà hàng trên địa bàn thành phố để không chỉ đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương, du khách thập phương mà còn có thể tiếp đón được khách du lịch quốc tế.

2.2.2. Khu vui chơi giải trí

Đầu tư, nâng cấp, phát triển các khu vui chơi giải trí có quy mô lớn như “trung tâm thể thao Hồ Sen” , Triển lãm quốc tế Cánh Diều....

2.2.3. Trong khuôn viên di tích

Xây dựng “Nhà khách” làm nơi đón tiếp du khách đến tham quan. Thông qua hoạt động đón tiếp khách tại nhà khách, giới thiệu cho du khách về di tích bằng hình ảnh (qua hệ thống máy chiếu), kết hợp với thuyết minh. Sau đó mới dẫn khách đi thăm trực quan, giải đáp những thắc mắc, tiếp thu những nhận xét và đánh giá, góp ý của khách để ngày càng hoàn thiện hơn công tác đón tiếp, phục vụ khách. Tại nhà khách, có thể tổ chức các chương trình văn nghệ như: hát chèo sân đình, hát đúm, hát trầu văn... để làm tăng thêm không khí vui vẻ, qua đó khách cảm nhận

sâu sắc hơn về nét văn hóa bản địa thể hiện qua mỗi lời ca, câu hát. Để rồi đọng lại trong lòng họ những ấn tượng khó quên về mảnh đất, con người nơi đây. Tại sân khấu của nhà khách có thể đặt “Két công đức” để du khách hảo tâm công đức, góp phần cho việc bảo tồn di tích, bồi dưỡng cho văn nghệ sĩ tham gia biểu diễn.

Xây dựng “Nhà trưng bày”: đồ tế khí, đồ rước dùng trong lễ hội, những phục trang mặc trong lễ hội, hay những phế tích còn lại trong quá trình tu tạo...Để qua đó bảo tồn những nét văn hóa truyền thống trao truyền cho muôn đời sau và giúp cho khách thăm quan hiểu sâu hơn về những giá trị văn hóa của di tích. Nhờ đó mà vị thế của di tích cũng được nâng cao, thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách xa gần.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng

Chính quyền thành phố, và địa phương có di tích cần quan tâm, đầu tư hơn nữa trong việc cải tạo, nâng cấp các trục đường dẫn vào di tích. Giúp cho việc tham quan của nhân dân, du khách được thuận tiện. Có qui định chặt chẽ hơn để ngăn ngừa việc di tích bị xâm lấn, trở thành khu bán hàng của các hộ dân gần di tích. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước trong di tích, bảo đảm an toàn cho di tích mỗi khi có mưa lớn kéo dài.

2.3. Khai thác giá trị lễ hội truyền thống đối với việc phát triển du lịch văn hóa

Đối với du lịch văn hóa, các giá trị vật thể và phi vật thể, trong đó có lễ hội là cơ sở quan trọng để hình thành các chương trình du lịch. Chính vì vậy mà văn hóa và du lịch luôn có quan hệ gắn bó và tác động, chi phối lẫn nhau. Tuy nhiên, phải nói rằng không phải giá trị văn hóa nào cũng có thể trở thành sản phẩm du lịch. Vì vậy để bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị của lễ hội tại các di tích thờ Ngô Quyền tạo thành những sản phẩm du lịch có giá trị. Cần có một nghiên cứu khoa học về lễ hội truyền thống để phục dựng lại lễ hội xưa, nay đã bị mai một. Qua đó chỉ cho ra đâu là những giá trị văn hóa dân gian, đâu là mê tín dị đoan. Lễ hội xưa thường tổ chức rước tượng thành hoàng, đồ tế khí, voi gỗ, ngựa gỗ ..quanh làng trong một không khí nhộn nhịp, náo nức. Nhưng nay do đường xá chật hẹp, nên nghi thức này đã không còn nữa. Ngoài ra, phải kể đến rất nhiều trò

chơi dân gian trong lễ hội xưa, nay đã mai một : đi cầu thềm, chơi cờ người, múa hạc gỗ...Có thể nói, đó là những nét văn hóa truyền thống của người dân nơi đây, mang đậm màu sắc “bản địa”. Tổ chức lễ hội là cách để địa phương tôn vinh, quảng bá những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương. Vì vậy cần nhấn mạnh được đặc trưng riêng của lễ hội truyền thống, tránh làm “biến dạng” lễ hội. Ta có thể đưa ra một số giải pháp như sau:

+ Nên hạn chế bớt sự tham gia của các diễn viên chuyên nghiệp trong lễ hội, “kịch bản hóa”, “sân khấu hóa” các chương trình lễ hội dẫn đến lễ hội nào cũng “na ná” như nhau.

+ Vận động quần chúng nhân dân cùng tham gia vào lễ hội(chủNn bị, phục vụ, tham gia các chương trình văn nghệ trong lễ hội).

+ Công tác tuyên truyền, quảng bá cũng cần được quan tâm hơn, để khách hành hương hiểu rõ ý nghĩa, nét văn hóa truyền thống trong lễ hội. để lễ hội thực sự là một sinh hoạt văn hóa dân gian thu hút đông đảo nhân dân, du khách đến dự hội, vui hội.

+ Trong khuôn viên di tích, tại khu vực quanh hồ bán nguyệt ta có thể tổ chức các hoạt động Ẩm thực, hình thành nên những “ quán ẩm thực”, với những đặc sản miền biển như: bánh đa cua, bún cá, bún tôm, ốc xào, bánh mì cay,để du khách có thể thưởng thức và cảm nhận, tìm lại nét “chân quê”.

+ Ngoài ra, có thể tổ chức “ Hội trợ triển lãm” những mặt hàng thủ công truyền thống, đồ lưu niệm như: thảm Hàng Kênh (với các mặt hàng : thảm treo tường trang trí, thảm len dệt tay dạng tấm..) đây là mặt hàng đã được xuất khẩu sang Pháp, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Tổ chức những hoạt động như: thi giọng hát hay, tay đàn giỏi, cắm hoa nghệ thuật....., thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương, du khách.

Có thể nói, phục dựng lại lễ hội truyền thống là một việc làm cấp thiết, để bảo lưu, trao truyền cho muôn đời sau những giá trị văn hóa độc đáo của quê hương. Qua đó biến những “sản phẩm văn hóa” thành những “sản phẩm du lịch”, để tôn vinh di tích, mang lại nguồn lợi đáng kể cho địa phương.

2.4. Về đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực

Đào tạo đội ngũ HDV điềm tại di tích, đáp ứng đầy đủ những tiêu trí :

- + Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
- + Có kiến thức sâu rộng về lịch sử, văn hóa
- + Có trình độ ngoại ngữ (đặc biệt là ngoại ngữ chuyên ngành kiến trúc)
- + Yêu nghề, nhiệt tình, mến khách...

Để từ đó lột tả được giá trị hiện thân của di tích, mang đến cho du khách những cảm nhận sâu sắc về giá trị lịch sử, văn hóa ẩn chứa trong di tích.

Với cán bộ quản lý: đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao những kiến thức về quản lý tài nguyên du lịch, chuyên môn nghiệp vụ(kiến trúc, điêu khắc...) .Qua đó họ có cái nhìn sâu rộng hơn về di tích, nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý di tích; tuyên truyền và vận động nhân dân cùng tham gia vào quá trình bảo vệ giá trị văn hoá của di tích, bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

Nhân viên phục vụ(nhân viên bảo vệ, bán vé): cần được đào tạo qua các khoá đào tạo nghề, biết sử dụng tối thiểu ít nhất một ngoại ngữ. Việc đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực tại các di tích thờ Ngô Quyền là một việc quan trọng. Cần được sự quan tâm, đầu tư kinh phí, sự phối kết hợp giữa ngành văn hoá và du lịch. Nguồn nhân lực này sẽ là cầu nối du khách với di tích, tạo những ấn tượng đẹp trong lòng du khách, đáp ứng nhu cầu tham quan, khám phá những giá trị lịch sử, văn hoá của di tích.

2.5. Quảng bá, xúc tiến du lịch

Thiết kế những tờ rơi, tập gấp đưa một số thông tin chung để giới thiệu về di tích, kết hợp với những tuyến tham quan du lịch bằng ít nhất 2 ngôn ngữ. Cần gắn bảng tóm tắt về lịch sử ngôi đình, vị thần được thờ để du khách hiểu được phần nào về đối tượng tham quan, những giá trị văn hoá tiêu biểu ẩn chứa trong di tích. Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài), phối kết hợp với sở Văn hoá, đài phát thanh làm các chương trình giới thiệu về các di tích thờ Ngô Quyền, thu hút sự quan tâm của du khách thập phương. Đưa khách du lịch thành kênh quảng

cáo hữu hiệu, bởi những thông tin truyền miệng phản hồi từ phía du khách đã đến di tích là một hình thức quảng cáo rất có hiệu quả. Vì vậy cần gây dựng hình ảnh tốt đẹp về chất lượng hoạt động du lịch tại di tích, tạo thiện cảm trong lòng du khách. Quảng bá không chỉ bằng ấn phẩm mà còn thông qua các sản phẩm hàng hoá, quà lưu niệm(thăm Hàng Kênh). Nhờ đó mà khách hiểu biết hơn về con người, nét bản sắc văn hoá nơi đây.

2.6. Sự tham gia của cộng đồng địa phương

Hoạt động du lịch muốn phát triển bền vững thì bên cạnh việc nhà nước quan tâm đầu tư kinh phí thì mỗi người dân cũng phải có ý thức trong việc giữ gìn, khai thác di tích phục vụ cho phát triển du lịch. Đúng như phương châm “ Nhà nước và nhân dân cùng làm” Thông qua việc tham gia vào quản lý và tiến hành hoạt động du lịch, người dân sẽ ý thức được lợi ích kinh tế xã hội đem lại từ hoạt động du lịch. từ đó có thái độ ủng hộ với nhà quản lý, các công ty lữ hành... tạo điều kiện cho du lịch ngày càng phát triển.

Xây dựng ý thức bảo tồn di tích, nâng cao trách nhiệm của mỗi người với việc giữ gìn giá trị văn hoá độc đáo của di tích. Xây dựng nếp sống lành mạnh, không làm phá huỷ môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội. Loại bỏ hiện tượng mê tín dị đoan, hiện tượng đốt vàng mã... Ngoài ra, có thể mở các lớp đào tạo và huấn luyện nghiệp vụ : hướng dẫn viên, nhân viên phục vụ tại di tích để tận dụng tối đa nguồn nhân lực là con em địa phương. Nhờ đó sẽ nâng cao nhận thức về việc “khai thác các giá trị văn hoá của di tích phục vụ cho phát triển du lịch”. Để mỗi người có thể tham gia tự nguyện, nhiệt tình bảo lưu bản sắc văn hoá truyền thống của địa phương, dân tộc.

2.7. Tổ chức quản lý tại các điểm du lịch .

Các dịch vụ tại các điểm di tích cần mở rộng hơn, đồng thời cũng được đưa vào quản lý một cách có hệ thống. Để làm được điều này cần phải có sự kết hợp giữa các ngành có liên quan như: Công an, y tế , thuế ...và đặc biệt là chính quyền địa phương tại các khu du lịch. Tại các điểm du lịch đẩy mạnh hoạt động phát triển dịch vụ du lịch đồng thời cần có sự quản lý của các ban ngành cơ quan quản lý di tích

và chính quyền địa phương có những biện pháp xử lý các sự việc tiêu cực xảy ra tại các điểm du lịch. Cần có những biện pháp ngăn chặn đối với các hành vi như: ăn trộm, ăn xin bám lấy khách du lịch ... tạo ấn tượng không tốt cho du khách khi đi du lịch. Song song với việc khai thác tiềm năng du lịch tại một số điểm du lịch ban quản lý cần quan tâm đến vấn đề môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng. Tạo môi trường lành mạnh, trong lành ... Đảm bảo vệ sinh môi trường, thực phẩm trong việc phục vụ khai thác du lịch của thành phố.

3. Một số kiến nghị

3.1. Kiến nghị đối với thành phố

Thu lệ phí tham quan tại các điểm di tích lịch sử. Nguồn thu này sẽ được dùng trong việc trùng tu, tu sửa các di tích, đồng thời xây dựng lại cơ sở vật chất để phục vụ khách du lịch tốt hơn. Đề nghị thành phố quan tâm chỉ đạo triển khai quy hoạch tổng và quy hoạch chi tiết phát triển du lịch từ nay đến năm 2020. Để từ đó có những quy hoạch cụ thể tại các điểm du lịch, phục chế tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, phục hồi những nghi lễ trong lễ hội truyền thống văn hoá nơi đây đã bị mai một ít nhiều.

3.2. Kiến nghị với sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng

Kết hợp với uỷ ban nhân dân các quận huyện và ngành du lịch có chính sách và chiến lược đào tạo lại, đào tạo mới, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong ngành du lịch và kinh doanh du lịch. Nâng cao hiểu biết về các điểm du lịch để giúp du khách hiểu biết nhiều hơn về lịch sử Hải Phòng cũng như các danh nhân anh hùng dân tộc được thờ tự tại địa phương.

Kết hợp với các sở ban ngành có liên quan để tích cực cùng tham gia hoạt động bảo tồn các di tích. Cùng với các trường học trên phạm vi thành phố phát động phong trào “ Trường học thân thiện, học sinh tích cực ” để các em học sinh có điều kiện tiếp cận các di tích lịch sử, tham gia các hoạt động tập thể như làm vệ sinh trong khuôn viên di tích, trồng cây xanh, tham gia các hoạt động văn nghệ và trò chơi dân gian trong mỗi dịp lễ hội.

3.3. Kiến nghị đối với ban quản lý di tích

Để bảo đảm phát triển du lịch bền vững đạt hiệu quả cao. Các điểm du lịch nên kết hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan như: sở văn hoá thông tin, bưu điện, tài chính, y tế, môi trường, công an...để khai thác một cách hợp lí và tu bổ hoàn chỉnh. Đảm bảo cho du khách khi đi du lịch.

3.4. Kiến nghị đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch thành phố

Hải Phòng ngoài tiềm năng phát triển du lịch biển thì du lịch văn hóa cũng là một thế mạnh. Chính vì vậy các tổ chức kinh doanh du lịch phải tăng cường hơn nữa hoạt động tổ chức tuyên truyền những tour du lịch văn hóa đối với du khách địa phương cũng như quốc tế, tổ chức các tour du lịch tìm hiểu lịch sử theo chuyên đề phù hợp với đối tượng khách là học sinh sinh viên và công chức trong các đơn vị nhà nước. Điều này vô cùng quan trọng vì không những làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của doanh nghiệp , tăng doanh thu lợi nhuận, mà còn góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, cũng như tri ân những người anh hùng có công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

KẾT LUẬN

Với hàng ngàn di tích, danh lam thắng cảnh minh chứng cho một Hải Phòng là một vùng đất có bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa phong phú đậm đà bản sắc. Các di tích lịch sử văn hóa đều được xây dựng lên bằng khối óc và bàn tay tài hoa củ các thế hệ cha ông, chứa đựng những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc. Được chất lọc qua bao thăng trầm của lịch sử. Mỗi di tích đều để lại dấu ấn văn hóa bản địa sâu sắc của người Việt Nam ngàn xưa trên đất Hải Phòng. Việc gìn giữ tôn tạo và khai thác giá trị lịch sử của các di tích – thắng cảnh sẽ làm phong phú thêm đời sống tinh thần đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại và truyền lại cho thế hệ mai sau. Trong mối quan hệ truyền thống và hiện đại, các di tích lịch sử văn hóa như đình, miếu, đền, chùa ... là một bộ phận của di sản văn hóa dân tộc, có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần và tính ngưỡng của nhân dân. Gắn liền với di tích là truyền thuyết, tín ngưỡng, tôn giáo, sự tích, liên quan đến sự tạo thành và sự tồn tại của các di tích trong tiến trình lịch sử. Vì vậy giá trị của di tích không chỉ là bản thông điệp giữa các thế hệ mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Không nằm ngoài những giá trị trên, các di tích thờ người anh hùng dân tộc Ngô Quyền, trên mảnh đất Hải Phòng đã góp phần không nhỏ là minh chứng cho những bản anh hùng ca của dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Hải Phòng vinh dự là điểm đến lí tưởng cho những ai muốn tìm hiểu về Ngô Quyền – vị tổ trùng hưng của nước Đại Việt và chiến thắng lẫy lừng của ngài.

“ Di tích thờ anh hùng dân tộc Ngô Vương Quyền trên địa bàn Hải Phòng. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch ” Hy vọng sẽ là một tài liệu đầy đủ góp phần nhỏ bé vào hệ thống lớn những tài liệu nghiên cứu về các di tích lịch sử văn hóa của Việt Nam nói chung và của mảnh đất Hải Phòng quê hương nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Khoa học, Hà Nội.
2. Ban Liên lạc họ Ngô Việt Nam (2003), *Phả hệ họ Ngô Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội
3. Lê Thanh Đức (2011), *Đình làng miền Bắc*, NXB Mỹ thuật Hà Nội.
4. Trịnh Minh Hiên (2006), *Lễ hội truyền thống tiêu biểu Hải Phòng*, NXB Hải Phòng.
5. Hội đồng lịch sử Thành phố Hải Phòng (1990), *Địa chí Hải Phòng- tập 1*, Sở văn hóa thông tin Hải Phòng.
6. Lê Văn Lan (2004), *Lịch sử Việt Nam - Hỏi và đáp*, Hà Nội: Báo Khoa học và Đời sống.
7. Nhiều tác giả (1972), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học xã hội.
8. Nhiều tác giả (2010), *Nghi lễ thờ cúng trong Đình, Chùa, Miếu, Phủ*, NXB Thời Đại.
9. Trần Phương (2009), *Du lịch văn hóa Hải Phòng*, NXB Hải Phòng - Sở du lịch Hải Phòng.
10. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Luật di sản văn hóa*.
11. Sở văn hóa thông tin và Bảo tàng Hải Phòng (2005), *Hải Phòng, Di tích – danh thắng xếp hạng quốc gia*, NXB Hải Phòng.
12. Sở văn hóa thể thao và du lịch, Hiệp hội du lịch thành phố Hải Phòng (2010), *Du lịch Hải Phòng 50 năm xây dựng và phát triển*, NXB Hải Phòng.
13. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
14. Đỗ Quốc Thông (2006-2010), *Giáo trình tổng quan du lịch*, khoa du lịch, trường đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Hải Phòng (2001), *Một số di sản văn hóa tiêu biểu của Hải Phòng – tập 1*, NXB Hải Phòng.

16. Viện khoa học xã hội và nhân văn – Viện văn hóa dân gian (1992), *Lễ hội cổ truyền*, NXB khoa học xã hội Hà Nội.
17. Trang Web điện tử : www.haiphong.gov.vn
18. www.baotanghaihong.com
19. www.dulichhaiphong.gov.vn

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh tại các di tích thờ Ngô Quyền



Cổng tam quan di tích Từ Lương Xâm(ảnh: tác giả)



Tượng đức vương Ngô Quyền tại Từ Lương Xâm(ảnh: Đỗ Thu)



Lễ hội Từ Lương Xâm (ảnh:lehoi.cinet.vn)



Bàn thờ hiện vật cộc trên sông Bạch Đằng(ảnh: tác giả)



Toàn cảnh di tích Đình Hàng Kênh (ảnh: dulichhaiphong.gov.vn)



Lễ Hội đình Hàng Kênh(ảnh: haiphongstarhotel.com)



Đình Đông Khê (ảnh: dulichhaiphong.info)